

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN**

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

| | |
|--------------------|--|
| Trình độ đào tạo: | Đại học |
| Ngành đào tạo: | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành |
| Tên tiếng Anh: | Tourism and Travel Service Management |
| Mã ngành: | 7810103 |
| Loại hình đào tạo: | Chính quy |
| Hình thức đào tạo: | Tập trung |

Bình Định, 2020

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1783/QĐ-ĐHQN ngày 21 tháng 08 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

| | |
|--------------------|--------------------------------------|
| Trình độ đào tạo: | Đại học |
| Ngành đào tạo: | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành |
| Tên tiếng Anh: | Tourism Services and Tour Management |
| Mã ngành: | 7810103 |
| Loại hình đào tạo: | Chính quy |
| Hình thức đào tạo: | Tập trung |

1. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành với trình độ Đại học có khối lượng kiến thức toàn khóa là 135 tín chỉ (chưa kể các môn điều kiện GDTC, GDQP-AN), thời gian đào tạo là 4 năm. Chương trình được thiết kế với khối kiến thức giáo dục đại cương 24 tín chỉ, khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp 111 tín chỉ (trong đó Kiến thức khối ngành và cơ sở ngành 27 tín chỉ; Kiến thức ngành, chuyên ngành 45 tín chỉ; Kiến thức bổ trợ 33 tín chỉ; Khóa luận tốt nghiệp, học phần thay thế 6 tín chỉ). Chương trình đào tạo được thiết kế theo định hướng ứng dụng giúp cho người học đạt được các chuẩn đầu ra về: Kiến thức, Kỹ năng, Mức tự chủ và trách nhiệm, có khả năng xin việc và thích nghi với công việc sau khi ra trường.

1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

| | |
|----------------------------------|-------------------------------------|
| 1. Tên chương trình (Tiếng Việt) | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành |
| 2. Mã ngành đào tạo | 7810103 |
| 3. Trường cấp bằng | Trường Đại học Quy Nhơn |
| 4. Tên gọi văn bằng | Cử nhân |
| 5. Trình độ đào tạo | Đại học |
| 6. Số tín chỉ yêu cầu | 147 |

| | |
|--------------------------|---|
| 7. Khoa quản lý | Tài chính-Ngân hàng và Quản trị kinh doanh, Trường ĐH Quy Nhơn |
| 8. Hình thức đào tạo | Chính quy |
| 9. Thời gian đào tạo | 4 năm |
| 10. Đối tượng tuyển sinh | Tốt nghiệp phổ thông trung học hoặc tương đương |
| 11. Thang điểm đánh giá | Đánh giá theo thang điểm đào tạo theo hệ thống tín chỉ ban hành theo quyết định số 43/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo |
| 12. Điều kiện tốt nghiệp | Theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy định đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Quy Nhơn. |
| 13. Vị trí việc làm | <ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn viên du lịch; - Các bộ phận nghiệp vụ như thiết kế và điều hành tour, hướng dẫn viên du lịch, kinh doanh, tổ chức sự kiện, hội nghị,... tại các doanh nghiệp dịch vụ du lịch, khu du lịch sinh thái, khu nghỉ dưỡng, vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, khu dự trữ sinh quyển, khu di tích lịch sử,... - Quản trị - điều hành - thiết kế tour tại các công ty trong và ngoài nước hoặc các tổ chức phi chính phủ; - Các bộ phận khác nhau trong các khách sạn, nhà hàng trong nước và quốc tế; - Các bộ phận quản lý về du lịch ở các cơ quan quản lý Nhà nước trực thuộc Tổng cục du lịch, dịch vụ lữ hành, các Sở Văn hóa, thể thao và du lịch tại các địa phương; - Tư vấn viên tại các tổ chức tư vấn trong nước và quốc tế về du lịch và khách sạn; - Chuyên viên trong các tổ chức phi chính |

| | |
|---|--|
| | <p>phủ về dự án trong mảng du lịch cộng đồng;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát triển khả năng kinh doanh độc lập, kinh doanh lẻ hành hoặc kinh doanh đại lý lẻ hành; - Khởi sự kinh doanh, thành lập và quản lý công ty kinh doanh dịch vụ du lịch - lẻ hành của riêng mình; - Nghiên cứu, giảng dạy về du lịch tại các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu,... |
| 14. Học tập nâng cao trình độ | <ul style="list-style-type: none"> - Tham gia các khóa học, bồi dưỡng ngắn hạn liên quan đến dịch vụ du lịch và lẻ hành trong và ngoài nước. - Học bằng đại học thứ 2 của các chuyên ngành liên quan. - Đăng ký học sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ) của các chuyên ngành du lịch hoặc các chuyên ngành khác thuộc lĩnh vực kinh tế du lịch tại các trường đại học trong và ngoài nước. |
| 15. Chương trình tham khảo khi xây dựng | <ul style="list-style-type: none"> - Đại học Khoa học xã hội và nhân văn - Đại học Hải Phòng - Đại học Hoa Sen - Đại học Kinh tế tài chính - Đại học Đại Nam, - IK Gujral Punjab Technical University, CMR University - Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội - Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh |
| 16. Thời điểm cập nhật bản mô tả | 30/05/2020 |

1.3. Triết lý giáo dục của Trường Đại học Quy Nhơn

Triết lý giáo dục của trường Đại học Quy Nhơn được chuyển tải vào chương trình đào tạo ngành quản trị dịch vụ du lịch và lẻ hành

| Chương trình đào tạo ngành quản trị dịch vụ du lịch và lẻ hành | | | Triết lý giáo dục của DQN | | |
|--|------|--|---------------------------|------------|-------------|
| | | | Toàn diện | Khai phóng | Thực nghiệp |
| Kiến | Khối | Các học phần khoa học chính trị, pháp luật | x | | |

| | | | | | |
|--|---|---|---|---|---|
| thức trong chương trình đào tạo | kiến thức đại cương | Các học phần KHXH/KHTN-MT, KH Quản lý, Ngoại ngữ, Tin học | | X | |
| | Khối kiến thức cơ sở ngành | Các học phần lý thuyết (kinh tế vĩ mô, kinh tế vi mô, nguyên lý kế toán,...) | X | X | |
| | Khối kiến thức ngành, chuyên ngành | Các học phần lý thuyết | X | X | X |
| | | Các học phần thực tập, thực tế | X | X | X |
| | Khóa luận tốt nghiệp | | X | X | X |
| Hoạt động ngoại khóa | Nghiên cứu khoa học sinh viên | | X | X | X |
| | Thi hùng biện, thiết kế mô hình, ý tưởng, ... | | | X | X |
| | Sinh viên tình nguyện (mùa hè xanh) | | X | | X |
| | Hiến máu nhân đạo | | | X | |
| | Hoạt động vì người nghèo | | | X | |
| | | | | | |
| Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs) | PLO1 | Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội, pháp luật, tự nhiên – môi trường để diễn giải các vấn đề phát sinh trong hoạt động quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. | X | X | |
| | PLO2 | PLO2: Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng – An ninh và Giáo dục thể chất. | X | X | |
| | PLO3 | Vận dụng được kiến thức cơ sở ngành, khối ngành làm nền tảng để học tập và nghiên cứu các môn chuyên sâu ngành QTDVDL&LH. | X | X | X |
| | PLO4 | PLO4: Vận dụng được kiến thức ngành và bổ trợ để phân tích, đề xuất và thực hiện các kế hoạch; điều hành và giám sát thực hiện, tổng kết đánh giá và đề ra các giải pháp giải quyết các vấn đề chuyên sâu về quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành trong thực tế như: quản trị kinh doanh nhà hàng - khách sạn; quản trị kinh doanh lữ hành; quản trị du lịch MICE; quản trị điểm đến du lịch; tuyến điểm du lịch; điều hành chương trình du lịch; lễ tân ngoại giao; kinh doanh du lịch trực tuyến... nhằm nâng cao hiệu quả trong kinh doanh lữ hành trong môi trường toàn cầu. | X | X | X |

| | | | | |
|------|--|---|---|---|
| PLO5 | PLO5: Vận dụng được các kỹ năng: giao tiếp, thuyết trình trước đám đông; kỹ năng hoạt náo trong du lịch; thuyết minh trong du lịch; hướng dẫn du lịch; kỹ năng tư duy sáng tạo; kỹ năng làm việc nhóm; và kỹ năng lập kế hoạch mục tiêu vào giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; đồng thời phân tích, đánh giá tình hình thị trường, lập kế hoạch và tiến hành khởi nghiệp tạo việc làm cho mình và cho người khác. | x | x | x |
| PLO6 | PLO6: Kỹ năng ngoại ngữ: đạt trình độ tiếng Anh tối thiểu bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương trình độ B1 theo Khung tham chiếu chung Châu Âu – CEFR) và theo quy định của Trường đối với khối ngành kinh tế và quản lý. Có kỹ năng ngoại ngữ thứ hai (tiếng Pháp hoặc tiếng Trung) khi giao tiếp với các đối tác có liên quan trong công việc ở trình độ cơ bản. | x | x | x |
| PLO7 | PLO7: Kỹ năng tin học: đạt trình độ chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo thông tư Số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông. Đồng thời có khả năng tìm hiểu và sử dụng các phần mềm chuyên dụng phục vụ cho công tác quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. | x | x | x |
| PLO8 | PLO8: Có kỹ năng hoàn thành các nghiệp vụ phức tạp trong lĩnh vực quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết vào thực tiễn của ngành trong những bối cảnh khác nhau. | x | x | x |
| PLO9 | PLO9: Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, tổng hợp ý kiến tập thể và sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề thực tế hay trừu tượng trong lĩnh vực quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; có năng lực dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề trong các hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành; kỹ năng phản biện, | x | x | x |

| | | | | | |
|--|-------|--|---|---|---|
| | | phê phán và đề xuất các giải pháp trong quy hoạch, chính sách và quản trị để xử lý vấn đề vi mô và vĩ mô của vùng miền. | | | |
| | PLO10 | PLO10: Có phẩm chất chính trị đúng đắn, đạo đức tốt; yêu ngành nghề, nghiêm túc trong công việc, có ý thức trách nhiệm cao. | x | x | |
| | PLO11 | PLO11: có khả năng tự học, tự nghiên cứu và tích lũy kinh nghiệm, phát triển nghề nghiệp cá nhân và khả năng học tập suốt đời góp phần vào sự phát triển bền vững của xã hội. Chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm làm việc; việc hướng dẫn, giám sát người khác thực hiện nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn; tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động trong lĩnh vực quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành ở quy mô vừa. | x | x | x |

1.4. Mục tiêu của chương trình đào tạo (ký hiệu: POs)

1.4.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (QTDVDL&LH) phát triển toàn diện về đức, trí, thể, mỹ; có kiến thức chung về kinh tế - xã hội, có kiến thức rộng và chuyên sâu ngành QTDVDL&LH, có kỹ năng thực hành các nghiệp vụ ngành QTDVDL&LH và những kỹ năng mềm cần thiết cho hoạt động nghề nghiệp, có trách nhiệm nghề nghiệp; có khả năng nắm bắt tiến bộ khoa học và công nghệ, khả năng tự học, sáng tạo, thích nghi với môi trường làm việc; có tinh thần lập nghiệp, có ý thức phục vụ nhân dân. Đồng thời những cử nhân QTDVDL&LH có thái độ tốt về nghề nghiệp, có đạo đức nghề nghiệp để phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

1.4.2. Mục tiêu cụ thể (ký hiệu POs)

Cử nhân ngành QTDVDL&LH đạt được những kiến thức, kỹ năng và phẩm chất sau:

- Về kiến thức

+ PO1: Vận dụng kiến thức về khoa học cơ bản để học tập suốt đời. Có thể chất tốt và kiến thức về an ninh, quốc phòng.

+ PO2: Vận dụng kiến thức cơ sở ngành, khối ngành làm nền tảng để nghiên cứu các môn chuyên sâu ngành QTDVDL&LH.

+ PO3: Vận dụng kiến thức cơ sở ngành, khối ngành, ngành và bổ trợ một cách toàn diện và chuyên sâu trong hoạt động quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.

- Về kỹ năng

+ PO4: Có kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, lãnh đạo, phát hiện và giải quyết vấn đề, tư duy phản biện, sáng tạo và khởi nghiệp.

+ PO5: Sử dụng ngoại ngữ và công nghệ thông tin căn bản tốt.

+ PO6: Có kỹ năng thực hiện các nghiệp vụ chuyên môn phức tạp trong lĩnh vực quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.

- Về mức tự chủ và trách nhiệm

+ PO7: Có phẩm chất đạo đức cá nhân tốt, có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, chấp hành nghiêm túc pháp luật của Nhà nước và các quy định của tổ chức làm, sẵn sàng đáp ứng yêu cầu của xã hội trong môi trường hội nhập kinh tế quốc tế.

+ PO8: Chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm làm việc trong việc hướng dẫn, truyền bá, phổ biến kiến thức thuộc lĩnh vực quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, giám sát người khác thực hiện nghiệp vụ chuyên; có trách nhiệm với xã hội và môi trường.

1.5. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu: PLOs)

1.5.1. Về kiến thức

1) PLO1: Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội, pháp luật, tự nhiên – môi trường để diễn giải các vấn đề phát sinh trong hoạt động quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.

2) PLO2: Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng – An ninh và Giáo dục thể chất.

3) PLO3: Vận dụng được kiến thức cơ sở ngành, khối ngành làm nền tảng để học tập và nghiên cứu các môn chuyên sâu ngành QTDVDL&LH.

4) PLO4: Vận dụng được kiến thức ngành và bổ trợ để phân tích, đề xuất và thực hiện các kế hoạch; điều hành và giám sát thực hiện, tổng kết đánh giá và đề ra các giải pháp giải quyết các vấn đề chuyên sâu về quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành trong thực tế như: quản trị kinh doanh nhà hàng - khách sạn; quản trị kinh doanh lữ hành; quản trị du lịch MICE; quản trị điểm đến du lịch; tuyến điểm du lịch; điều hành chương trình du lịch; lễ tân ngoại giao; kinh doanh du lịch trực tuyến... nhằm nâng cao hiệu quả trong kinh doanh lữ hành trong môi trường toàn cầu.

1.5.2. Về kỹ năng

5) PLO5: Vận dụng được các kỹ năng: giao tiếp, thuyết trình trước đám đông; kỹ năng hoạt náo trong du lịch; thuyết minh trong du lịch; hướng dẫn du lịch; kỹ năng tư duy sáng tạo; kỹ năng làm việc nhóm; và kỹ năng lập kế hoạch mục tiêu vào giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; đồng thời phân tích, đánh giá tình hình thị trường, lập kế hoạch và tiến hành khởi nghiệp tạo việc làm cho mình và cho người khác.

6) PLO6: Kỹ năng ngoại ngữ: đạt trình độ tiếng Anh tối thiểu bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương trình độ B1 theo Khung tham chiếu chung Châu Âu – CEFR) và theo quy định của Trường đối với khối ngành kinh tế và quản lý.

Có kỹ năng ngoại ngữ thứ hai (tiếng Pháp hoặc tiếng Trung) khi giao tiếp với các đối tác có liên quan trong công việc ở trình độ cơ bản.

7) PLO7: Kỹ năng tin học: đạt trình độ chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo thông tư Số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông. Đồng thời có khả năng tìm hiểu và sử dụng các phần mềm chuyên dụng phục vụ cho công tác quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.

8) PLO8: Có kỹ năng hoàn thành các nghiệp vụ phức tạp trong lĩnh vực quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết vào thực tiễn của ngành trong những bối cảnh khác nhau.

9) PLO9: Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, tổng hợp ý kiến tập thể và sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề thực tế hay trừu tượng trong lĩnh vực quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; có năng lực dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề trong các hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành; kỹ năng phản biện, phê phán và đề xuất các giải pháp trong quy hoạch, chính sách và quản trị để xử lý vấn đề vi mô và vĩ mô của vùng miền.

1.5.3. Về mức tự chủ và trách nhiệm

10) PLO10: Có phẩm chất chính trị đúng đắn, đạo đức tốt; yêu ngành nghề, nghiêm túc trong công việc, có ý thức trách nhiệm cao.

11) PLO11: có khả năng tự học, tự nghiên cứu và tích lũy kinh nghiệm, phát triển nghề nghiệp cá nhân và khả năng học tập suốt đời góp phần vào sự phát triển bền vững của xã hội. Chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm làm việc; việc hướng dẫn, giám sát người khác thực hiện nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn; tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động trong lĩnh vực quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành ở quy mô vừa.

Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo PLOs

| Mục tiêu (POs) | Chuẩn đầu ra (PLOs) | | | | | | | | | | |
|----------------|---------------------|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|
| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
| PO1 | x | x | | | | | | | | | |
| PO2 | | | x | | | | | | | | |
| PO3 | | | | x | | | | | | | |
| PO4 | | | | | x | x | | | | | |

| | | | | | | | | | | | |
|-----|--|--|---|---|--|---|---|---|---|---|---|
| PO5 | | | | | | x | X | | | | |
| PO6 | | | | | | | | x | x | | |
| PO7 | | | x | x | | | | | x | x | x |
| PO8 | | | x | x | | | | | x | x | x |

1.6. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp đánh giá

1.6.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

- Chuẩn bị của giảng viên

- + Tài liệu giảng dạy, tài liệu hướng dẫn học tập, dụng cụ dạy học (nếu cần).
- + Các bài tập vận dụng, nghiên cứu tình huống liên quan đến nội dung của học phần giảng dạy.

- Các phương pháp giảng dạy - học tập [Dạy trực tiếp/gián tiếp/trải nghiệm/tương tác/tự học]

- + Dạy trực tiếp: thuyết giảng, thảo luận, tham luận.
- + Dạy gián tiếp: câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, dạy học theo tình huống, dạy học theo nhóm.
- + Học trải nghiệm: thực tập, thực tế, nghiên cứu tình huống.
- + Dạy học tương tác: thảo luận, làm việc nhóm.
- + Tự học: bài tập ở nhà, giải quyết tình huống cho sẵn

Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra (PLOs) và phương pháp giảng dạy - học tập

| Phương pháp giảng dạy - học tập | Chuẩn đầu ra (PLOs) | | | | | | | | | | |
|---------------------------------|---------------------|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|
| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
| I. Dạy trực tiếp | | | | | | | | | | | |
| 1. Thuyết giảng | x | | x | x | | | | x | x | x | x |
| 2. Tham luận | | | x | x | x | | | x | x | | |
| II. Dạy gián tiếp | | | | | | | | | | | |
| 3. Câu hỏi gợi mở | x | | x | x | x | | | x | x | | x |
| 4. Giải quyết vấn đề | x | | x | x | x | | | x | x | | x |
| 5. Dạy học theo tình huống | | | x | x | x | | | x | x | | x |
| 6. Dạy học theo nhóm | | | x | x | x | | | | | | x |
| III. Học trải nghiệm | | | | | | | | | | | |
| 7. Thực tập, thực tế | | | x | x | x | x | x | x | x | x | x |
| 8. Nghiên cứu tình huống | | | x | x | | | | x | x | | x |
| IV. Dạy học tương tác | | | | | | | | | | | |
| 9. Thảo luận | | | x | x | x | | | x | x | | |
| 10. Làm việc nhóm | | | x | x | x | | | | | x | x |

| V. Tự học | | | | | | | | | | | |
|-----------------------------------|--|--|---|---|---|--|--|---|---|---|---|
| 11. Bài tập ở nhà | | | x | x | | | | | | x | x |
| 12. Giải quyết tình huống cho sẵn | | | x | x | x | | | x | x | x | x |

- Cải tiến nâng cao chất lượng dạy học

Bên cạnh việc áp dụng linh hoạt các phương pháp giảng dạy – học tập như trên thì giảng viên cần phải thường xuyên cải tiến phương pháp giảng dạy, áp dụng các phương pháp giảng dạy hiện đại ở bậc đại học nhằm giúp người học đạt được các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và nâng cao chất lượng dạy học. Việc cải tiến được thực hiện theo hướng giảng viên tăng cường vận dụng công nghệ và các phương pháp giảng dạy hiện đại để phát huy tính tích cực, sáng tạo, độc lập của sinh viên nhằm giúp sinh viên chủ động trong học tập, tích cực nghiên cứu sách, bài báo, tạp chí chuyên ngành,... phát hiện và giải quyết các vấn đề trong thực tiễn.

1.6.2. Phương pháp đánh giá

* Thang điểm đánh giá:

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần

* Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

a. Học phần lý thuyết

| STT | Hình thức đánh giá | Tiêu chí đánh giá | Chọn 1 trong các trọng số sau | | |
|-----|--------------------|---|-------------------------------|----------|----------|
| | | | Trọng số | Trọng số | Trọng số |
| 1 | Chuyên cần | <i>Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học</i> <i>Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng</i> | 10% | 10% | 10% |
| 2 | Quá trình | <i>* Sinh viên làm 1 hoặc nhiều bài kiểm tra cá nhân (dưới hình thức viết hoặc thuyết trình) theo các trọng số khác nhau tùy thuộc độ khó theo quy định của giảng viên phụ trách giảng dạy.</i> <i>- Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: đúng đáp án hoặc yêu cầu của giảng viên ra đề.</i> <i>* Các bài báo cáo nhóm hoặc seminar hoặc bài tập lớn theo quy định của giảng viên phụ trách giảng dạy.</i> <i>- Tiêu chí đánh giá bài báo cáo, seminar, bài tập lớn, bài tập nhóm: nội dung, hình thức, thể hiện bài báo cáo theo quy định của giảng viên phụ trách giảng dạy và đề cương chi tiết học phần.</i> <i>* Các bài thực hành theo quy định của giảng viên phụ</i> | 20% | 30% | 40% |

| | | | | | |
|---|----------------|---|-----|-----|-----|
| | | <i>trách giảng dạy.</i> - <i>Tiêu chí đánh giá bài thực hành: đúng đáp án hoặc yêu cầu của giảng viên ra đề.</i> | | | |
| 3 | Cuối kỳ | <i>Thi kết thúc học phần</i> * <i>Hình thức thi: Viết/vấn đáp.</i> - <i>Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề.</i> * <i>Hình thức thi: Thực hành.</i> - <i>Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề.</i> * <i>Hình thức thi: Bài báo cáo</i> - <i>Tiêu chí đánh giá bài thi: nội dung, hình thức, vấn đáp bài báo cáo.</i> | 70% | 60% | 50% |

b. Học phần thí nghiệm - thực hành

Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thí nghiệm, thực hành. Điểm trung bình cộng các bài thực hành trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.

c. Học phần khóa luận tốt nghiệp

Thực hiện theo Quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 1241/QĐ-ĐHQN ngày 15/5/2014 của Trường Đại học Quy Nhơn.

*** Phương pháp đánh giá**

Phương pháp đánh giá được sử dụng trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành được chia thành 2 loại chính: Đánh giá tiến trình (Formative Assessment) và Đánh giá tổng kết (Summative Assessment).

Diễn giải để mô tả các phương pháp đánh giá như trong bảng:

Ma trận quan hệ giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra (PLOs)

| Phương pháp đánh giá | Chuẩn đầu ra (PLOs) | | | | | | | | | | |
|-------------------------------|---------------------|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|
| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
| I. Đánh giá tiến trình | | | | | | | | | | | |
| 1. Đánh giá chuyên cần | | | | | | | | | | X | X |
| 2. Đánh giá bài tập | X | | X | X | | X | | X | X | | X |
| 3. Đánh giá thuyết trình | | | | | X | X | | X | X | | |
| 4. Đánh giá bài tập nhóm | | | X | X | X | X | | X | X | | |
| 5. Đánh giá bài tập lớn | | | X | X | | | | X | X | | |
| 6. Đánh giá bài báo cáo | | | X | X | | | | X | X | | X |
| II. Đánh giá tổng kết | | | | | | | | | | | |

| | | | | | | | | | | | |
|-------------------------|--|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 7. Kiểm tra viết | | X | X | X | | X | X | X | X | X | X |
| 8. Kiểm tra trắc nghiệm | | | X | X | | | | X | X | | |
| 9. Thi vấn đáp | | | X | X | X | | | X | X | | |
| 10. Báo cáo | | | X | X | | | | X | X | | X |
| 11. Bảo vệ khóa luận TN | | | X | X | | | | X | X | X | X |
| 12. Kiểm tra thực hành | | X | | | | | X | | | | |

2. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

2.1. Cấu trúc chương trình dạy học

| STT | Khối kiến thức, số tín chỉ | Số tín chỉ | |
|--------------|--|------------|-----------|
| | | Bắt buộc | Tự chọn |
| 1 | Khối kiến thức giáo dục đại cương | 24 | 0 |
| 1.1 | Khoa học chính trị và pháp luật | 13 | 0 |
| 1.2 | Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - AN | 12 | 0 |
| 1.3. | Ngoại ngữ | 7 | 0 |
| 1.4 | KHXH/Toán, KHTN - Môi trường, KH quản lý | 4 | 0 |
| 2 | Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp | 97 | 14 |
| 2.1 | Kiến thức cơ sở ngành và khối ngành | 25 | 2 |
| 2.2 | Kiến thức ngành, chuyên ngành | 41 | 4 |
| 2.3 | Kiến thức bổ trợ | 25 | 8 |
| 2.4 | Khóa luận tốt nghiệp, học phần thay thế | 6 | 0 |
| Tổng: | | 121 | 14 |
| | | 135 | |

- Khối kiến thức giáo dục đại cương gồm 10 học phần:

Khối kiến thức giáo dục đại cương trang bị cho người học những kiến thức căn bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật, giáo dục quốc phòng - an ninh, ngoại ngữ. Nhằm giúp người học hiểu rõ về thể chế chính trị của Việt Nam, nắm vững đường lối, chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, cũng như có những kiến thức căn bản về nền quốc phòng - an ninh của quốc gia. Từ đó, giúp người học nâng cao lý luận chính trị, có phẩm chất đạo đức, có ý thức tuân thủ pháp luật, hiểu và thể hiện trách nhiệm với cộng đồng, xã hội.

Ngoài ra học phần Khởi nghiệp được thiết kế trong khối kiến thức giáo dục đại cương nhằm trang bị cho người học những kỹ năng cần thiết để có thể xây dựng được một kế hoạch

hành động cho ý tưởng khởi nghiệp, nâng cao nhận thức về trách nhiệm của một doanh nhân đối với sự phát triển nền kinh tế của đất nước, cộng với khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp được học trong các học kỳ sau này người học có kiến thức toàn diện để tự tin khởi nghiệp sau khi ra trường.

- Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp gồm 44 học phần:

Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp giúp người học có nền tảng kiến thức cơ bản về kinh tế để có thể tự học tập và phát triển nghề nghiệp suốt đời.

Theo học ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, người học sẽ nghiên cứu và học về địa lý du lịch, văn hóa du lịch, hành vi của khách du lịch trong nước và quốc tế, các kỹ năng nghiệp vụ về hướng dẫn du lịch, thiết kế tour, quản lý và điều hành tour, thiết kế và quản trị sự kiện du lịch... Bên cạnh những học phần lý thuyết, người học còn được tham gia nhiều chuyến tham quan, thực tập thực tế tại các điểm đến, các công ty lữ hành, các khách sạn lớn,... điều này giúp người học được trải nghiệm thực tế thú vị, thực hành và tìm hiểu thêm về công việc của mình sau khi ra trường.

Ngoài ra, trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành còn được chú trọng đào tạo và phát triển các kỹ năng mềm cho người học như kỹ năng giao tiếp, xử lý tình huống, thuyết phục khách hàng,...

Ngoài những kiến thức, kỹ năng cần có trong ngành dịch vụ du lịch trên đây, người học còn được tiếp cận thêm những kiến thức về du lịch bền vững, đạo đức trong kinh doanh du lịch, từ đó nhận thức được tầm quan trọng, có ý thức, kỹ năng bảo vệ tài nguyên môi trường trong các hoạt động phát triển du lịch, phù hợp với định hướng phát triển du lịch bền vững của Việt Nam và thế giới.

2.2. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các khối kiến thức vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

| Khối kiến thức | | Số TC | Tỉ lệ | PLOs | | | | | | | | | | | |
|----------------|---|------------|---------------|------|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|---|
| | | | | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | |
| 1 | <i>Khối kiến thức giáo dục đại cương</i> | 24 | 17,8% | | | | | | | | | | | | |
| 1.1 | Khoa học chính trị và pháp luật | 13 | 9,6% | M | | | | M | | | | | | M | M |
| 1.2 | Giáo dục thể chất, GD quốc phòng – AN | 12 | | | M | | | | | | | | | | L |
| 1.3 | Ngoại ngữ | 7 | 5,2% | | | | | M | M | | | | | M | M |
| 1.4 | KHXH/Toán, KHTN – Môi trường, KH Quản lý | 4 | 3,0% | | | | | M | | | | | M | M | M |
| 2 | <i>Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</i> | 111 | 82,22% | | | | | | | | | | | | |
| 2.1 | Khối kiến thức cơ sở | 27 | 20,00% | M | | M | | M | | M | M | M | M | M | M |

| | | | | | | | | | | | | | | |
|-----|---|----|--------|---|--|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | ngành và khối ngành | | | | | | | | | | | | | |
| 2.2 | Khối kiến thức ngành, chuyên ngành | 45 | 33,33% | M | | H | H | M | | L | H | H | M | H |
| 2.3 | Khối kiến thức bổ trợ | 33 | 24,44% | | | | H | H | H | H | H | H | M | M |
| 2.4 | Khóa luận tốt nghiệp/học phần thay thế KLTN | 6 | 4,44% | | | | H | M | | | M | H | M | M |

Chú thích: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao

2.3. Danh sách các học phần

| TT | Mã học phần | Tên học phần | Học kỳ | Số tín chỉ | Giờ trên lớp | | | TN/TH | Khác (TT, ĐA, BTL) | Giờ tự học | Mã HP học trước | Khoa quản lý học phần | Ghi chú |
|---|-------------|---|--------|--------------|--------------|----|----|-------|--------------------|------------|-----------------|-----------------------|---------|
| | | | | | LT | BT | TL | | | | | | |
| I. Khối kiến thức giáo dục đại cương | | | | 36 TC | | | | | | | | | |
| I.1. Khoa học chính trị và pháp luật | | | | 13 TC | | | | | | | | | |
| 1 | 1130299 | Triết học Mác – Lênin | 1 | 3 | 40 | | 10 | | | 85 | | LLCT – LUẬT & QLNN | |
| 2 | 1130300 | Kinh tế chính trị Mác – Lênin | 2 | 2 | 27 | | 6 | | | 57 | 1130299 | LLCT – LUẬT & QLNN | |
| 3 | 1130301 | Chủ nghĩa xã hội khoa học | 3 | 2 | 27 | | 6 | | | 57 | 1130300 | LLCT – LUẬT & QLNN | |
| 4 | 1130302 | Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam | 4 | 2 | 27 | | 6 | | | 57 | 1130301 | LLCT – LUẬT & QLNN | |
| 5 | 1130091 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 5 | 2 | 27 | | 6 | | | 57 | 1130302 | LLCT – LUẬT & QLNN | |
| 6 | 1130049 | Pháp luật đại cương | 2 | 2 | 27 | | 6 | | | 57 | | LLCT – LUẬT & QLNN | |
| I.2. Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng-AN | | | | ĐK | | | | | | | | | |
| I.2.1. Giáo dục thể chất: sinh viên chọn 1 trong 7 nhóm GDTC sau | | | | 3 | | | | | | | | | |
| 7 | 1120172 | Giáo dục thể chất 1 (Bóng đá 1)(*) | 1 | 1 | 4 | | | 26 | | 21 | | GDTC-QP | |
| 8 | 1120173 | Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 2)(*) | 2 | 1 | 4 | | | 26 | | 21 | 1120172 | GDTC-QP | |
| 9 | 1120174 | Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 3)(*) | 3 | 1 | 4 | | | 26 | | 21 | 1120173 | GDTC-QP | |
| 10 | 1120175 | Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền 1)(*) | 1 | 1 | 4 | | | 26 | | 21 | | GDTC-QP | |
| 11 | 1120176 | Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 2)(*) | 2 | 1 | 4 | | | 26 | | 21 | 1120175 | GDTC-QP | |
| 12 | 1120177 | Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 3)(*) | 3 | 1 | 4 | | | 26 | | 21 | 1120176 | GDTC-QP | |
| 13 | 1120178 | Giáo dục thể chất 1 (Bóng rổ 1)(*) | 1 | 1 | 4 | | | 26 | | 21 | | GDTC-QP | |
| 14 | 1120179 | Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 2)(*) | 2 | 1 | 4 | | | 26 | | 21 | 1120178 | GDTC-QP | |
| 15 | 1120180 | Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 3)(*) | 3 | 1 | 4 | | | 26 | | 21 | 1120179 | GDTC-QP | |

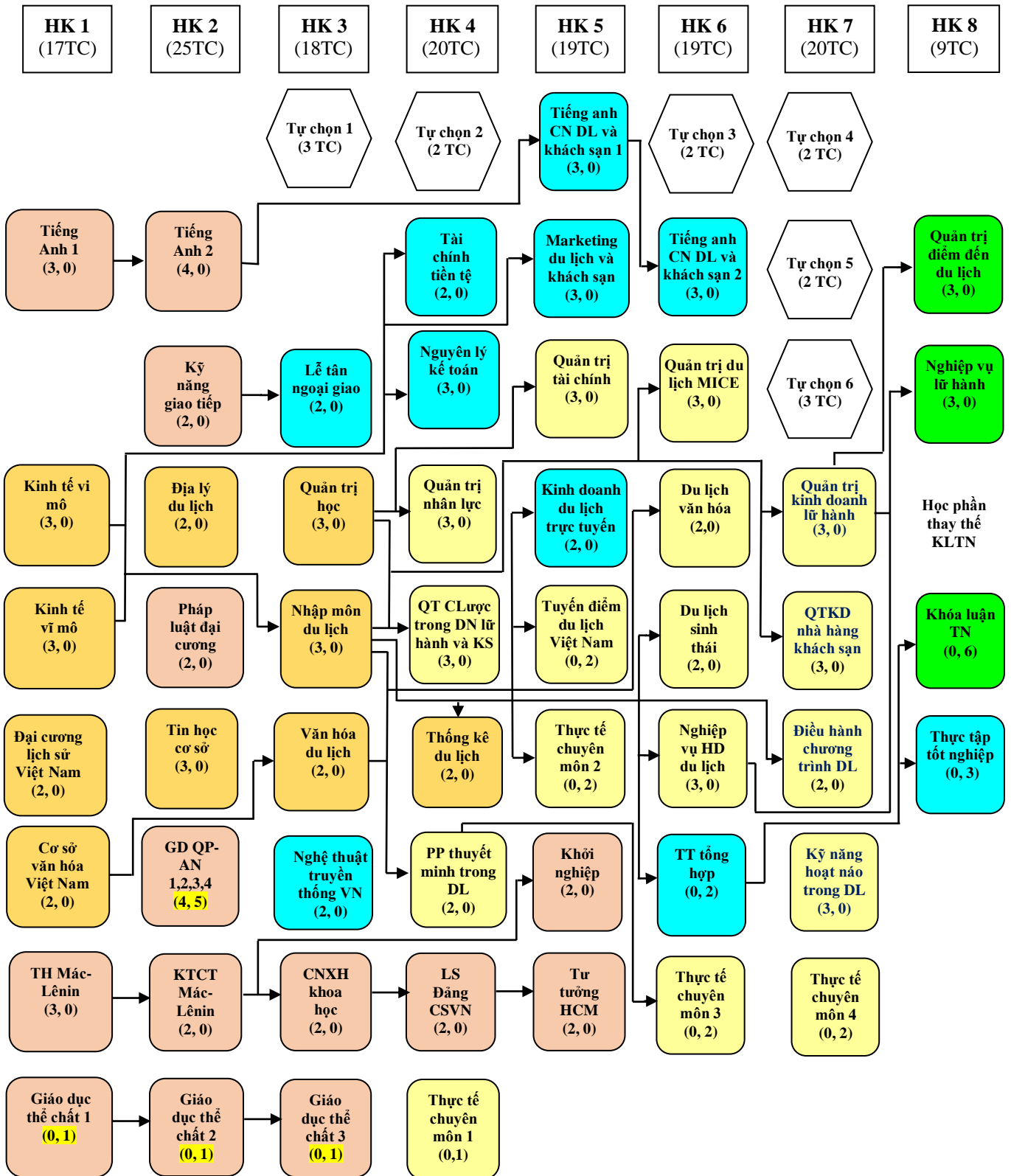
| | | | | | | | | | | | | | |
|--|---------|---|---------------|---|----|----|-----|----|-----|-----|------------------|--------------|--|
| 16 | 1120181 | Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông 1)(*) | 1 | 1 | 4 | | | 26 | | 21 | | GDTC-QP | |
| 17 | 1120182 | Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 2)(*) | 2 | 1 | 4 | | | 26 | | 21 | 1120181 | GDTC-QP | |
| 18 | 1120183 | Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 3)(*) | 3 | 1 | 4 | | | 26 | | 21 | 1120182 | GDTC-QP | |
| 19 | 1120184 | Giáo dục thể chất 1 (Võ cổ truyền Việt Nam 1)(*) | 1 | 1 | 4 | | | 26 | | 21 | | GDTC-QP | |
| 20 | 1120185 | Giáo dục thể chất 2 (Võ cổ truyền Việt Nam 2)(*) | 2 | 1 | 4 | | | 26 | | 21 | 1120184 | GDTC-QP | |
| 21 | 1120186 | Giáo dục thể chất 3 (Võ cổ truyền Việt Nam 3)(*) | 3 | 1 | 4 | | | 26 | | 21 | 1120185 | GDTC-QP | |
| 22 | 1120187 | Giáo dục thể chất 1 (Võ Taekwondo 1)(*) | 1 | 1 | 4 | | | 26 | | 21 | | GDTC-QP | |
| 23 | 1120188 | Giáo dục thể chất 2 (Võ Taekwondo 2)(*) | 2 | 1 | 4 | | | 26 | | 21 | 1120187 | GDTC-QP | |
| 24 | 1120189 | Giáo dục thể chất 3 (Võ Taekwondo 3)(*) | 3 | 1 | 4 | | | 26 | | 21 | 1120188 | GDTC-QP | |
| 25 | 1120190 | Giáo dục thể chất 1 (Võ Karatedo 1)(*) | 1 | 1 | 4 | | | 26 | | 21 | | GDTC-QP | |
| 26 | 1120191 | Giáo dục thể chất 2 (Võ Karatedo 2)(*) | 2 | 1 | 4 | | | 26 | | 21 | 1120190 | GDTC-QP | |
| 27 | 1120192 | Giáo dục thể chất 3 (Võ Karatedo 3)(*) | 3 | 1 | 4 | | | 26 | | 21 | 1120191 | GDTC-QP | |
| I.2.2. Giáo dục quốc phòng-An ninh | | | 9 | | | | | | | | | | |
| 28 | 1120168 | Giáo dục quốc phòng-An ninh 1 (*) | 2 | 3 | 37 | | | 16 | | 82 | | GDTC-QP | |
| 29 | 1120169 | Giáo dục quốc phòng-An ninh 2 (*) | 2 | 2 | 22 | | | 16 | | 52 | | GDTC-QP | |
| 30 | 1120170 | Giáo dục quốc phòng-An ninh 3 (*) | 2 | 2 | 14 | | | 32 | | 44 | | GDTC-QP | |
| 31 | 1120171 | Giáo dục quốc phòng-An ninh 4 (*) | 2 | 2 | 4 | 77 | 136 | 54 | 118 | 257 | | GDTC-QP | |
| I.3. Ngoại ngữ | | | 7 TC | | | | | | | | | | |
| 32 | 1090061 | Tiếng Anh 1 | 1 | 3 | 30 | 15 | | | | 90 | | Ngoại ngữ | |
| 33 | 1090166 | Tiếng Anh 2 | 2 | 4 | 40 | 20 | | | | 120 | 1090061 | Ngoại ngữ | |
| I.4. KHXH/Toán, KHTN - Môi trường, KH quản lý | | | 4TC | | | | | | | | | | |
| 34 | 2030003 | Kỹ năng giao tiếp | 2 | 2 | 18 | | 4 | 20 | | 48 | | KHXH & NV | |
| 35 | 1150422 | Khởi nghiệp | 5 | 2 | 20 | 5 | 10 | | | 60 | 1130300 | TC-NH & QTKD | |
| II. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp | | | 111 TC | | | | | | | | | | |
| II.1. Kiến thức cơ sở ngành và khối ngành | | | 27 TC | | | | | | | | | | |
| II.1.a. Phần bắt buộc | | | 25 TC | | | | | | | | | | |
| 36 | 1050243 | Tin học cơ sở | 2 | 3 | 30 | | | 30 | | 90 | | CNTT | |
| 37 | 1140170 | Kinh tế vi mô | 1 | 3 | 34 | 9 | 4 | | | 90 | | KT&KT | |
| 38 | 1140171 | Kinh tế vĩ mô | 1 | 3 | 36 | 9 | | | | 90 | | KT&KT | |
| 39 | 1150075 | Quản trị học | 3 | 3 | 36 | 6 | 6 | | | 90 | 1140170 | TC-NH & QTKD | |
| 40 | 1070330 | Đại cương lịch sử Việt Nam | 1 | 2 | 28 | | 4 | | | 60 | | KHXH & NV | |
| 41 | 1070331 | Cơ sở văn hóa Việt Nam | 1 | 2 | 20 | | 20 | | | 60 | | KHXH & NV | |
| 42 | 2020463 | Địa lý du lịch | 2 | 2 | 20 | 5 | 10 | | | 60 | | KHTN | |
| 43 | 1150463 | Nhập môn du lịch | 3 | 3 | 26 | 5 | 8 | 20 | | 90 | 1140170, 1140171 | TC-NH & QTKD | |

| | | | | | | | | | | | | |
|--|---------|--|---|---|----|----|----|----|----|----|--------------------|-----------------|
| 44 | 1150132 | Văn hóa du lịch | 3 | 2 | 28 | | 4 | | | 60 | 1070331 | TC-NH & QTKD |
| 45 | 1010393 | Thống kê du lịch | 4 | 2 | 20 | 8 | 4 | | | 60 | 1150463 | Toán & Thống kê |
| II.1b. Phần tự chọn 2 TC | | | | | | | | | | | | |
| <i>Chọn 1 trong 2 học phần: 2/4 TC</i> | | | | | | | | | | | | |
| 46 | 1150472 | Đạo đức trong kinh doanh du lịch và khách sạn | 6 | 2 | 23 | 5 | 4 | | | 60 | 1150463 | TC-NH & QTKD |
| 47 | 1150322 | Hành vi khách du lịch | 6 | 2 | 20 | 5 | 10 | | | 60 | 1150463 | TC-NH & QTKD |
| II.2. Kiến thức ngành, chuyên ngành 45 TC | | | | | | | | | | | | |
| II.2.a. Phần bắt buộc 41 TC | | | | | | | | | | | | |
| 48 | 1150084 | Quản trị nhân lực | 4 | 3 | 32 | 11 | 2 | 2 | | 90 | 1150075 | TC-NH & QTKD |
| 49 | 1150465 | Quản trị chiến lược trong doanh nghiệp lữ hành và khách sạn | 4 | 3 | 32 | 8 | 10 | 0 | | 90 | 1150075 | TC-NH & QTKD |
| 50 | 1150469 | Quản trị tài chính trong doanh nghiệp lữ hành và khách sạn | 5 | 3 | 35 | 8 | 4 | | | 90 | 1150075 | TC-NH & QTKD |
| 51 | 1150268 | Quản trị kinh doanh nhà hàng - khách sạn | 7 | 3 | 36 | | | 18 | | 90 | 1150075 1150463 | TC-NH & QTKD |
| 52 | 1150351 | Quản trị kinh doanh lữ hành | 7 | 3 | 30 | 5 | 5 | 15 | | 90 | 1150075 1150463 | TC-NH & QTKD |
| 53 | 1150475 | Quản trị du lịch MICE | 6 | 3 | 30 | 6 | 6 | 12 | | 90 | 1150463 1150075 | TC-NH & QTKD |
| 54 | 1150478 | Điều hành chương trình du lịch | 7 | 2 | 20 | | 5 | 15 | | 90 | 1150463 | TC-NH & QTKD |
| 55 | 1150471 | Tuyển điểm du lịch Việt Nam | 5 | 2 | 20 | | 5 | 15 | | 60 | 2020463 1150463 | TC-NH & QTKD |
| 56 | 1150479 | Kỹ năng hoạt náo trong du lịch | 7 | 3 | 30 | | 5 | 25 | | 90 | | TC-NH & QTKD |
| 57 | 1150317 | Phương pháp thuyết minh trong du lịch | 4 | 2 | 20 | | | 20 | | 60 | 1150132 1150463 | TC-NH & QTKD |
| 58 | 1150324 | Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch | 6 | 3 | 30 | 5 | 5 | 15 | | 90 | 1150463 1150317 | TC-NH & QTKD |
| 59 | 1150473 | Du lịch sinh thái | 6 | 2 | 20 | | 5 | 15 | | 60 | 1150463 | TC-NH & QTKD |
| 60 | 1150474 | Du lịch văn hóa | 6 | 2 | 20 | | 5 | 15 | | 60 | 1150132 | TC-NH & QTKD |
| 61 | 1150467 | Thực tế chuyên môn 1: Tham quan và tìm hiểu văn hóa vùng miền | 4 | 1 | | | | | TT | 30 | 1150132 | TC-NH & QTKD |
| 62 | 1150470 | Thực tế chuyên môn 2: Tham quan và khảo sát tuyển điểm du lịch | 5 | 2 | | | | | TT | 60 | 1150463 | TC-NH & QTKD |
| 63 | 1150477 | Thực tế chuyên môn 3: Tham quan và Hướng dẫn du lịch 1 | 6 | 2 | | | | | TT | 60 | 1150317 | TC-NH & QTKD |
| 64 | 1150483 | Thực tế chuyên môn 4: Tham quan và Hướng dẫn du lịch 2 | 7 | 2 | | | | | TT | 60 | 1150324 | TC-NH & QTKD |
| II.2b Phần tự chọn 4 TC | | | | | | | | | | | | |
| <i>Chọn 1 trong 2 học phần: 2/4TC</i> | | | | | | | | | | | | |
| 65 | 1150331 | Phát triển du lịch bền vững | 7 | 2 | 25 | | 6 | 4 | | 60 | 1150463 | TC-NH & QTKD |
| 66 | 1150482 | Quy hoạch và chính sách du lịch | 7 | 2 | 24 | | 6 | 6 | | 60 | 1150075 | TC-NH & QTKD |
| <i>Chọn 1 trong 2 học phần: 2/4TC</i> | | | | | | | | | | | | |
| 67 | 1150481 | Quản trị dịch vụ vận chuyển du lịch | 7 | 2 | 20 | 5 | 5 | 5 | | 60 | 1150075 | TC-NH & QTKD |
| 68 | 1150480 | Quản trị đại lý lữ hành | 7 | 2 | 20 | | 10 | 10 | | 60 | 1150326 | TC-NH & QTKD |
| II.3. Kiến thức bổ trợ 33 TC | | | | | | | | | | | | |

| II.3.1. Đào tạo, rèn luyện nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp 28 TC | | | | | | | | | | | | |
|--|---------|---|---|------------|----|----|----|----|----|-----|---------------------------|--------------|
| II.3.1a. Các học phần bắt buộc 20 TC | | | | | | | | | | | | |
| 69 | 1110235 | Nghệ thuật truyền thống Việt Nam | 3 | 2 | 20 | | 5 | 15 | | 60 | | GDTHM N |
| 70 | 1150462 | Lễ tân ngoại giao | 3 | 2 | 20 | | | 20 | | 60 | 2030003 | TC-NH & QTKD |
| 71 | 1150312 | Marketing du lịch và khách sạn | 5 | 3 | 35 | 5 | 10 | | | 90 | 1140170, 1140171 | TC-NH & QTKD |
| 72 | 1150468 | Kinh doanh du lịch trực tuyến | 5 | 2 | 20 | | | 20 | | 60 | 1150463 | TC-NH & QTKD |
| 73 | 1140048 | Nguyên lý kế toán | 4 | 3 | 36 | 9 | | | | 90 | 1140170, 1140171 | KT&KT |
| 74 | 1150466 | Tài chính - tiền tệ | 4 | 2 | 20 | 8 | 4 | | | 60 | 1140170, 1140171 | TC-NH & QTKD |
| 75 | 1150313 | Tiếng Anh chuyên ngành du lịch và khách sạn 1 | 5 | 3 | 30 | 5 | 5 | 15 | | 90 | 1090166 | TC-NH & QTKD |
| 76 | 1150314 | Tiếng Anh chuyên ngành du lịch và khách sạn 2 | 6 | 3 | 40 | | 10 | | | 90 | 1150313 | TC-NH & QTKD |
| II.3.1b. Các học phần tự chọn 8 TC | | | | | | | | | | | | |
| + Chọn 1 trong 2 học phần 3/6 TC | | | | | | | | | | | | |
| 77 | 1140104 | Toán kinh tế | 3 | 3 | 36 | 9 | | | | 90 | 1140170 | KT&KT |
| 78 | 1140033 | Kinh tế lượng | 3 | 3 | 36 | 9 | | | | 90 | 1140170 | KT&KT |
| + Chọn 1 trong 2 học phần 2/4 TC | | | | | | | | | | | | |
| 79 | 1150464 | Phương pháp nghiên cứu khoa học trong ngành dịch vụ | 4 | 2 | 20 | 5 | 10 | | | 60 | 1150463 | TC-NH & QTKD |
| 80 | 1150280 | Thanh toán quốc tế trong du lịch | 4 | 2 | 26 | 4 | | | | 60 | 1150463 | TC-NH & QTKD |
| + Chọn 1 trong 2 học phần 3/6 TC | | | | | | | | | | | | |
| 81 | 1090209 | Tiếng Pháp | 7 | 3 | 40 | 5 | | | | 90 | | Ngoại ngữ |
| 82 | 1090210 | Tiếng Trung | 7 | 3 | 30 | 15 | | | | 90 | | Ngoại ngữ |
| II.3.2. Thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp 5 TC | | | | | | | | | | | | |
| 83 | 1150476 | Thực tập tổng hợp | 6 | 2 | | | | | TT | 60 | 1150132, 1150463, 1150312 | TC-NH & QTKD |
| 84 | 1150332 | Thực tập tốt nghiệp | 8 | 3 | | | | | TT | 90 | 1150476 | TC-NH & QTKD |
| II.4. Khóa luận tốt nghiệp, học phần thay thế 6 TC | | | | | | | | | | | | |
| 85 | 1150484 | Khóa luận tốt nghiệp | 8 | 6 | | | | | KL | 180 | 1150476 | TC-NH & QTKD |
| Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp 6 TC | | | | | | | | | | | | |
| 86 | 1150485 | Nghiệp vụ lễ hành | 8 | 3 | 20 | 5 | 5 | 35 | | 90 | 1150324, 1150351 | TC-NH & QTKD |
| 87 | 1150335 | Quản trị điểm đến du lịch | 8 | 3 | 20 | 5 | 5 | 35 | | 90 | 1150351 | TC-NH & QTKD |
| Tổng cộng | | | | 147 | | | | | | | | |

Ghi chú: (*) – Học phần điều kiện


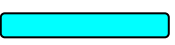


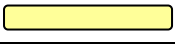
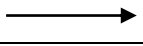
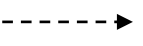
2.4. Sơ đồ chương trình giảng dạy



Danh sách các học phần tự chọn:

| | | |
|------------------------|--|---------------------------------------|
| Tự chọn 1 (3TC) | Toán kinh tế | Kinh tế lượng |
| Tự chọn 2 (2TC) | PP NCKH trong ngành DV | Thanh toán quốc tế trong DL |
| Tự chọn 3 (2TC) | Đạo đức trong KD DL và khách sạn | Hành vi khách du lịch |
| Tự chọn 4 (2TC) | Phát triển du lịch bền vững | Quy hoạch và chính sách du lịch |
| Tự chọn 5 (2 TC) | Quản trị dịch vụ vận chuyên DL | Quản trị đại lý lữ hành |
| Tự chọn 6 (3 TC) | Tiếng Pháp | Tiếng Trung |

Chú thích:

| | | | |
|---|---|---|--|
|  | Khối kiến thức giáo dục đại cương |  | Kiến thức bổ trợ |
|  | Kiến thức cơ sở ngành và khối ngành |  | Khóa luận tốt nghiệp, học phần thay thế |
|  | Kiến thức ngành, chuyên ngành (nếu có) |  | Học phần học trước |
| Tên học phần (x,y) | x: Số tín chỉ lý thuyết y: Số tín chỉ thí nghiệm – thực hành |  | Học phần song hành |

| | | | | | | | | | | | | | |
|----|---------|--|---|--|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 42 | 2020463 | Địa lý du lịch | M | | M | M | M | | | M | M | M | M |
| 43 | 1150463 | Nhập môn du lịch | | | M | | | | | L | L | M | M |
| 44 | 1150132 | Văn hóa du lịch | | | M | | | | | | L | M | M |
| 45 | 1010393 | Thống kê du lịch | | | M | | | | | | M | M | M |
| 46 | 1150472 | Đạo đức trong kinh doanh du lịch và khách sạn | | | M | | | | | | L | M | M |
| 47 | 1150322 | Hành vi khách du lịch | | | M | | | | | M | M | M | M |
| 48 | 1150084 | Quản trị nhân lực | | | | M | M | | | L | L | M | M |
| 49 | 1150465 | Quản trị chiến lược trong doanh nghiệp lữ hành và khách sạn | | | | M | M | | | M | M | M | M |
| 50 | 1150469 | Quản trị tài chính trong doanh nghiệp lữ hành và khách sạn | | | | M | M | | | M | M | M | M |
| 51 | 1150268 | Quản trị kinh doanh nhà hàng - khách sạn | | | | M | L | | | M | M | M | M |
| 52 | 1150351 | Quản trị kinh doanh lữ hành | | | | M | M | | | M | M | M | M |
| 53 | 1150475 | Quản trị du lịch MICE | | | | M | M | | | M | M | M | M |
| 54 | 1150478 | Điều hành chương trình du lịch | | | | M | H | | | H | M | M | M |
| 55 | 1150471 | Tuyển điểm du lịch Việt Nam | | | | M | M | | | M | M | M | M |
| 56 | 1150479 | Kỹ năng hoạt náo trong du lịch | | | | M | H | | | H | | M | M |
| 57 | 1150317 | Phương pháp thuyết minh trong du lịch | | | | M | M | | | M | M | M | M |
| 58 | 1150324 | Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch | | | | M | H | | | H | | M | M |
| 59 | 1150473 | Du lịch sinh thái | | | | M | M | | | M | M | M | M |
| 60 | 1150474 | Du lịch văn hóa | | | | M | M | | | M | M | M | M |
| 61 | 1150467 | Thực tế chuyên môn 1: Tham quan và tìm hiểu văn hóa vùng miền | | | | M | M | | | M | M | M | M |
| 62 | 1150470 | Thực tế chuyên môn 2: Tham quan và khảo sát tuyển điểm du lịch | | | | M | M | | | M | H | M | M |
| 63 | 1150477 | Thực tế chuyên môn 3: Tham quan và Hướng dẫn du lịch 1 | | | | M | H | | | H | M | M | M |
| 64 | 1150483 | Thực tế chuyên môn 4: Tham quan và Hướng dẫn du lịch 2 | | | | H | H | | | H | M | M | M |
| 65 | 1150331 | Phát triển du lịch bền vững | | | | M | M | | | | M | M | M |
| 66 | 1150482 | Quy hoạch và chính sách du lịch | | | | M | M | | | | M | M | M |
| 67 | 1150481 | Quản trị dịch vụ vận chuyển du lịch | | | | M | M | | | M | M | M | M |
| 68 | 1150480 | Quản trị đại lý lữ hành | | | | M | M | | | M | M | M | M |
| 69 | 1110235 | Nghệ thuật truyền thống Việt Nam | | | | M | M | | | M | | M | M |
| 70 | 1150462 | Lễ tân ngoại giao | | | | M | M | | | M | M | M | M |
| 71 | 1150312 | Marketing du lịch và khách sạn | | | | M | M | | | M | M | M | M |
| 72 | 1150468 | Kinh doanh du lịch trực tuyến | | | | M | M | | M | M | M | M | M |
| 73 | 1140048 | Nguyên lý kế toán | | | | M | | | | | M | M | M |
| 74 | 1150466 | Tài chính - tiền tệ | | | | M | | | | | M | M | M |
| 75 | 1150313 | Tiếng Anh chuyên ngành du lịch và khách sạn 1 | | | | M | L | | | M | M | M | M |
| 76 | 1150314 | Tiếng Anh chuyên ngành du lịch và khách sạn 2 | | | | M | M | M | | | | M | M |
| 77 | 1140104 | Toán kinh tế | | | | M | | | | | M | M | M |
| 78 | 1140033 | Kinh tế lượng | | | | M | | | | | M | M | M |
| 79 | 1150464 | Phương pháp nghiên cứu khoa học trong ngành dịch vụ | | | | M | M | | | M | M | M | M |
| 80 | 1150280 | Thanh toán quốc tế trong du lịch | | | | M | | | | | M | M | M |
| 81 | 1090209 | Tiếng Pháp | | | | M | | L | | | | | M |
| 82 | 1090210 | Tiếng Trung | | | | M | | L | | | | | M |
| 83 | 1150476 | Thực tập tổng hợp | | | | M | M | | | M | M | M | M |
| 84 | 1150332 | Thực tập tốt nghiệp | | | | | H | M | | M | M | M | M |
| 85 | 1150484 | Khóa luận tốt nghiệp | | | H | H | H | | | H | H | M | M |
| 86 | 1150485 | Nghiệp vụ lữ hành | | | | H | M | | | M | H | M | M |
| 87 | 1150335 | Quản trị điểm đến du lịch | | | | H | M | | | M | H | M | M |

Chú thích: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao

2.6. Mô tả tóm tắt các học phần

1.[1130299], [Triết học Mác – Lênin], [3]

Khái quát hóa kiến thức về những vấn đề lý luận chung về triết học nói chung và triết học Mác– Lênin nói riêng, giới thiệu về lịch sử, điều kiện hình thành, những nội dung và vai trò chủ yếu của Triết học Mác – Lênin. Đặc biệt là các vấn đề về thế giới quan duy vật khoa học và phương pháp luận biện chứng hợp lý, đồng thời đặt ra yêu cầu vận dụng được thế giới quan duy vật vào việc giải quyết các vấn đề lịch sử - xã hội trong CN duy vật lịch sử. Trên cơ sở đó trang bị thế giới quan duy vật biện chứng và phương pháp luận biện chứng duy vật cho hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn của con người.

2.[1130300], [Kinh tế chính trị Mác – Lênin], [2]

Nội dung học phần gồm 6 chương: Trong đó, chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin theo mục tiêu của môn học. Cụ thể các vấn đề như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

3.[1130301], [Chủ nghĩa xã hội khoa học], [2]

Nội dung môn học gồm 7 chương trong đó Chương 1 trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của CNXHKKH như quá trình hình thành và phát triển của CNXHKKH; đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu CNXH. Từ Chương 2 đến Chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của CNXHKKH như Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên CNXH, Dân chủ XHCN và Nhà nước XHCN, Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong TKQĐ lên CNXH, Vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình...trong TKQĐ lên CNXH.

Cũng như Triết học và kinh tế chính trị học Mác- Lênin, nghiên cứu, CNXHKKH không chỉ giải thích thế giới mà căn bản là cải tạo thế giới theo quy luật của tự nhiên, phù hợp với tiến bộ, văn minh. Nghiên cứu, học tập CNXHKKH có ý nghĩa quan trọng, trang bị những nhận thức chính trị - xã hội và phương pháp luận khoa học về quá trình tất yếu lịch sử dẫn đến sự hình thành, phát triển hình thái kinh tế - xã hội CSCN, giải phóng con người, giải phóng xã hội... Từ đó sinh viên có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn, phân tích đúng và đấu tranh chống lại những nhận thức sai lệch về CNXH và con đường đi lên CNXH ở nước ta.

4.[1130302], [Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam], [2]

Học phần trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam qua các thời kỳ. Đó là: Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn

thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (sau 1975).

5.[1130091], [Tu tưởng Hồ Chí Minh], [2]

Học phần gồm 6 chương cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh; về cơ sở, quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản và nhà nước Việt Nam; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức và con người. Đồng thời, chỉ ra sự vận dụng những nội dung đó của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa, cũng như nêu ra những giá trị lý luận và thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh.

6.[1130049], [Pháp luật đại cương], [2]

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Pháp luật của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nói riêng. Thông qua việc nghiên cứu Học phần, người học có nhận thức, quan điểm đúng đắn về đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, có những kiến thức cơ bản về Hệ thống pháp luật Việt Nam và hình thành kỹ năng tuân thủ, thi hành, sử dụng pháp luật, vận dụng pháp luật vào thực tiễn cuộc sống.

7.[1120172], [Giáo dục thể chất 1 (Bóng đá 1)], [1]

- Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: Nguyên lý kỹ thuật tâng bóng bằng đùi, đá bóng bằng lòng bàn chân, má trong bàn chân, kỹ thuật dẫn bóng, phương pháp rèn luyện các tổ chức thể lực, một số điều luật của Bóng đá 5 người.

- Bồi dưỡng những phẩm chất, ý chí trong tập luyện và thi đấu; Nâng cao sức khỏe và phát triển các tổ chức thể lực; tăng cường tình hữu nghị, đoàn kết trong tập thể.

8.[1120173], [Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 2)], [1]

- Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: Nguyên lý kỹ thuật tâng bóng bằng mu chính diện, sút bóng bằng mu chính diện, sút bóng má trong bàn chân, kỹ thuật dẫn bóng, một số điều luật của Bóng đá 7 người, phương pháp phòng ngừa chấn thương trong tập luyện thể dục thể thao.

- Bồi dưỡng những phẩm chất, ý chí trong tập luyện và thi đấu; Nâng cao sức khỏe và phát triển các tổ chức thể lực; tăng cường tình hữu nghị, đoàn kết trong tập thể.

9.[1120174], [Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 3)], [1]

- Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: Nguyên lý kỹ thuật đánh đầu bằng trán giữa, kỹ thuật ném biên, ôn tập các kỹ thuật đã học ở những học phần trước như các kỹ thuật sút bóng, dẫn bóng, tâng bóng..., một số điều luật của Bóng đá 11 người, Lịch sử phát triển bóng đá của thế giới và Việt Nam.

- Bồi dưỡng những phẩm chất, ý chí trong tập luyện và thi đấu; Nâng cao sức khỏe và

phát triển các tố chất thể lực; tăng cường tình hữu nghị, đoàn kết trong tập thể.

10.[1120175], [Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyên 1)], [1]

Khái quát lịch sử phát triển, đặc điểm, tác dụng, luật thi đấu môn bóng chuyên. Các nguyên tắc về phương pháp tập luyện bóng chuyên, cách phòng ngừa và sơ cứu chấn thương trong tập luyện TDTT. Trang bị cho sinh viên kỹ thuật di chuyển, đệm bóng [chuyên bóng thấp tay], chuyên bóng cao tay trước mặt, phát bóng cao tay và thấp tay, một số điều luật và phương pháp trọng tài bóng chuyên.

11.[1120176], [Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyên 2)], [1]

Giới thiệu Luật thi đấu môn bóng chuyên. Các nguyên tắc về phương pháp tập luyện bóng chuyên, cách phòng ngừa và sơ cứu chấn thương trong tập luyện Bóng chuyên. Một số bài tập hỗ trợ cho môn học. Nâng cao kỹ thuật đệm bóng [chuyên bóng thấp tay], chuyên bóng cao tay trước mặt, phát bóng cao tay và thấp tay, kỹ thuật đập bóng chính diện theo phương lầy đà.

12.[1120177], [Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyên 3)], [1]

Học phần trang bị cho sinh viên nắm được những điều luật thi đấu, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài và phương pháp tập luyện môn bóng chuyên. Nâng cao các kỹ thuật đệm bóng, kỹ thuật chuyên bóng cao tay, kỹ thuật phát bóng, kỹ thuật đập bóng. Các kỹ thuật chắn bóng, kỹ thuật phòng thủ, chiến thuật tấn công và chiến thuật phòng thủ, đội hình thi đấu và thi đấu ứng dụng.

13.[1120178], [Giáo dục thể chất 1 (Bóng rổ 1)], [1]

Bóng rổ là môn thể thao có tác dụng tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất con người toàn diện cả về trí lực và thể lực. Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong môn bóng rổ, hình thành biểu tượng một số động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ.

14.[1120179], [Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 2)], [1]

Bóng rổ là môn thể thao có tác dụng tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất con người toàn diện cả về trí lực và thể lực. Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong môn bóng rổ, hình thành biểu tượng một số động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ.

15.[1120180], [Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 3)], [1]

Bóng rổ là môn thể thao có tác dụng tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất con người toàn diện cả về trí lực và thể lực. Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong môn bóng rổ, hình thành biểu tượng một số động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ, có thể vận dụng vào trong thi đấu.

16.[1120181], [Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông 1)], [1]

Học phần này giúp sinh viên nắm vững và vận dụng các kỹ thuật cơ bản nhất trong môn cầu lông nhằm ứng dụng vào thực tiễn tập luyện thể thao nâng cao sức khỏe và đạt hiệu quả trong công tác giáo dục thể chất trong trường học.

+ Thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản khi tham gia tập luyện môn cầu lông nhằm rèn luyện thể chất.

+ Nắm vững và hiểu được cách tính điểm và một số lỗi khi tham gia tập luyện môn cầu lông.

17.[1120182], [Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 2)], [1]

Học phần này giúp sinh viên nắm vững và vận dụng các kỹ thuật cơ bản nhất trong môn cầu lông nhằm ứng dụng vào thực tiễn tập luyện thể thao nâng cao sức khỏe và đạt hiệu quả trong công tác giáo dục thể chất trong trường học.

+ Thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản khi tham gia tập luyện môn cầu lông nhằm rèn luyện thể chất.

+ Nắm vững và hiểu được cách tính điểm và một số lỗi khi tham gia tập luyện môn cầu lông.

18.[1120183], [Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 3)], [1]

Học phần này giúp sinh viên nắm vững và vận dụng các kỹ thuật nâng cao trong môn cầu lông nhằm ứng dụng vào thực tiễn tập luyện thể thao nâng cao sức khỏe và đạt hiệu quả trong công tác giáo dục thể chất trong trường học.

Thực hiện đúng các kỹ thuật nâng cao khi tham gia tập luyện môn cầu lông nhằm rèn luyện thể chất.

19.[1120184], [Giáo dục thể chất 1 (Võ cổ truyền Việt Nam 1)], [1]

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức chung, kỹ năng thực hành võ đạo và võ thuật cơ bản: Thực hiện được một số động tác kỹ thuật đặc trưng, căn bản của Võ cổ truyền Việt Nam ở mức độ cơ bản, chính xác. Nắm vững kỹ thuật căn bản công tay không, đấu luyện tự vệ và từng bước làm quen, tiếp thu trong tập luyện, thi đấu thể thao trong phân môn Quyền nhằm hoàn thiện thể chất và phát triển thành tích học tập.

- Giáo dục, giáo dưỡng những phẩm chất đạo đức, nhân cách tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, trách nhiệm, đoàn kết, tinh tập thể, làm việc nhóm, lòng dũng cảm, yêu nước, tinh thần dân tộc.

20.[1120185], [Giáo dục thể chất 2 (Võ cổ truyền Việt Nam 2)], [1]

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành võ thuật thuần thực căn bản, gồm: Thực hiện được một số động tác kỹ thuật của Võ cổ truyền Việt Nam ở mức độ cơ bản thuần thực, chính xác. Nắm vững kỹ thuật đấu luyện tự vệ và vận dụng đúng đắn luật thi đấu Võ cổ truyền Việt Nam trong tập luyện, thi đấu Quyền và Đối kháng nhằm phát triển thể lực toàn diện và nâng cao thành tích học tập.

- Giáo dục, giáo dưỡng những phẩm chất đạo đức, nhân cách tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, trách nhiệm, đoàn kết, làm việc nhóm, tính tập thể, lòng dũng cảm, yêu nước, tinh thần dân tộc.

21.[1120186], [Giáo dục thể chất 3 (Võ cổ truyền Việt Nam 3)], [1]

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng thực hành võ thuật cơ bản: Thực hiện được một số động tác kỹ thuật cơ bản của Võ cổ truyền Việt Nam ở mức độ cơ bản, chính xác. Nắm vững kỹ- chiến thuật cơ bản tự vệ và vận dụng đúng đắn luật thi đấu Võ cổ truyền Việt nam trong tập luyện, thi đấu Quyền thuật và thi đấu Đối kháng nhằm phát triển thành tích chuyên môn và hoàn thiện thể chất.

- Giáo dục, giáo dưỡng những phẩm chất đạo đức, nhân cách tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, tập thể, làm việc nhóm, lòng dũng cảm, yêu nước, tinh thần dân tộc.

22.[1120187], [Giáo dục thể chất 1 (Võ Taekwondo 1)], [1]

Taekwondo là môn võ xuất phát từ Triều Tiên, là môn võ thuật bao gồm những kỹ thuật như: đấm (Jieugi), đá (Chagi), đỡ (Makki)...

Chương trình huấn luyện môn võ này nhấn mạnh vào tinh thần và thể chất, tuy nhiên điểm then chốt của môn Taekwondo là sự khai triển tính đạo đức. Học phần này bao gồm các nội dung chính sau đây:

- Lịch sử phát triển Taekwondo
- Phân tích các kỹ thuật Taekwondo
- Luật thi đấu Taekwondo
- Kỹ thuật tấn pháp, kỹ thuật phòng thủ, kỹ thuật tấn công
- Kỹ thuật đối luyện
- Kỹ thuật quyền

23.[1120188], [Giáo dục thể chất 2 (Võ Taekwondo 2)], [1]

Taekwondo là môn võ xuất phát từ Triều Tiên, là môn võ thuật bao gồm những kỹ thuật như: đấm (Jieugi), đá (Chagi), đỡ (Makki)...

Chương trình huấn luyện môn võ này nhấn mạnh vào tinh thần và thể chất, tuy nhiên điểm then chốt của môn Taekwondo là sự khai triển tính đạo đức. Học phần này bao gồm các nội dung chính sau đây:

- Lịch sử phát triển Taekwondo
- Phân tích các kỹ thuật Taekwondo
- Luật thi đấu Taekwondo
- Kỹ thuật tấn pháp, kỹ thuật phòng thủ, kỹ thuật tấn công
- Kỹ thuật đối luyện
- Kỹ thuật quyền

24.[1120189], [Giáo dục thể chất 3 (Võ Taekwondo 3)], [1]

Taekwondo là môn võ xuất phát từ Triều Tiên, là môn võ thuật bao gồm những kỹ thuật như: đấm (Jieugi), đá (Chagi), đỡ (Makki)...

Chương trình huấn luyện môn võ này nhấn mạnh vào tinh thần và thể chất, tuy nhiên điểm then chốt của môn Taekwondo là sự khai triển tính đạo đức. Học phần này bao gồm các nội dung chính sau đây:

- Lịch sử phát triển Taekwondo
- Phân tích các kỹ thuật Taekwondo
- Luật thi đấu Taekwondo
- Kỹ thuật tấn pháp, kỹ thuật phòng thủ, kỹ thuật tấn công
- Kỹ thuật đối luyện
- Kỹ thuật quyền

25.[1120190], [Giáo dục thể chất 1 (Võ Karatedo 1)], [1]

Môn võ Karatedo là một trong những môn thể thao có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao, là một trong những môn học chính của sinh viên các trường Đại học. Tập luyện và thi đấu karate do sẽ giúp người tập pháp triển người tập phát triển toàn diện về mọi mặt, tăng cường thể chất, phát triển toàn diện tố chất thể lực, ngoài ra còn được rèn luyện tu dưỡng về tinh thần, phẩm chất đạo đức và nhân cách con người.

26.[1120191], [Giáo dục thể chất 2 (Võ Karatedo 2)], [1]

Môn võ Karatedo là một trong những môn thể thao có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao, là một trong những môn học chính của sinh viên các trường Đại học. Tập luyện và thi đấu karate do sẽ giúp người tập pháp triển người tập phát triển toàn diện về mọi mặt, tăng cường thể chất, phát triển toàn diện tố chất thể lực, ngoài ra còn được rèn luyện tu dưỡng về tinh thần, phẩm chất đạo đức và nhân cách con người.

27.[1120192], [Giáo dục thể chất 3 (Võ Karatedo 3)], [1]

Môn võ Karatedo là một trong những môn thể thao có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao, là một trong những môn học chính của sinh viên các trường Đại học. Tập luyện và thi đấu karate do sẽ giúp người tập pháp triển người tập phát triển toàn diện về mọi mặt, tăng cường thể chất, phát triển toàn diện tố chất thể lực, ngoài ra còn được rèn luyện tu dưỡng về tinh thần, phẩm chất đạo đức và nhân cách con người.

28.[1120168], [Giáo dục quốc phòng-An ninh 1], [3]**29.[1120169], [Giáo dục quốc phòng-An ninh 2], [2]****30.[1120170], [Giáo dục quốc phòng-An ninh 3], [2]**

31.[1120171], [Giáo dục quốc phòng-An ninh 4], [2]**32.[1090061], [Tiếng Anh 1], [3]**

Với quan điểm kế thừa và phát triển một cách có hệ thống những kiến thức tiếng Anh sinh viên đã học ở trường phổ thông, trên cơ sở xem tiếng Anh là công cụ giao tiếp thông dụng, *Tiếng Anh 1*, học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân khối không chuyên Anh ngữ, giúp sinh viên hệ thống lại và trang bị thêm cho sinh viên những kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp và những yếu tố văn hóa trong ngôn ngữ Anh, từ đó sử dụng tiếng Anh là phương tiện nghiên cứu chuyên ngành để phát triển chuyên môn. Đồng thời, học phần cũng giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm cũng như cảm giác tự tin trong giao tiếp.

33.[1090066], [Tiếng Anh 2], [4]

Với quan điểm kế thừa và phát triển một cách có hệ thống những kiến thức tiếng Anh sinh viên đã học trong học phần *Tiếng Anh 1*, *Tiếng Anh 2* bổ sung các cấu trúc ngữ pháp đã học, mở rộng và so sánh các cấu trúc này với nhau, đồng thời trình bày rõ các điểm ngữ pháp quan trọng như *phrasal verbs*, *linking words* và *collocations*, v.v. và những chủ đề khó hơn như *âm nhạc và tính cách*, *phim ảnh*, *sự kiện quá khứ* và *trải nghiệm* với mục đích giúp sinh viên sử dụng tiếng Anh chính xác và lưu loát, nâng cao khả năng lĩnh hội và sử dụng tiếng Anh cho mục đích giao tiếp phức tạp hơn. Đồng thời, học phần cũng giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm cũng như cảm giác tự tin trong giao tiếp.

34.[2030003], [Kỹ năng giao tiếp], [2]

Đây là một trong các học phần cung cấp kiến thức bổ trợ đào tạo, rèn luyện nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp ngành Quản trị kinh doanh. Học phần đề cập đến các nội dung về kiến thức và kỹ năng cơ bản về giao tiếp trong môi trường kinh doanh năng động và toàn cầu hóa, nắm được bản chất và các hình thức giao tiếp trong kinh doanh, các kỹ năng đàm phán, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng báo cáo và những công cụ quan trọng để rèn luyện và nâng cao kỹ năng giao tiếp hiệu quả trong kinh doanh. Bên cạnh đó, môn học đưa ra các phương pháp thực hành và giải quyết bài tập tình huống để trang bị cho sinh viên các kỹ năng giao tiếp trực tiếp và gián tiếp trong môi trường kinh doanh. Ngoài ra, môn học còn giúp sinh viên có cái nhìn khái quát hơn về môi trường giao tiếp công sở của các nước tiên tiến trên thế giới nhằm giúp họ đạt hiệu quả cao trong quá trình thuyết phục và đàm phán với đối tác. Học phần có quan hệ bổ trợ với các học phần khác như kỹ năng tư duy và lập kế hoạch và các học phần đào tạo kỹ năng hỗ trợ nghề nghiệp khác.

35.[1150422], [Khởi nghiệp], [2]**36.[1150243], [Tin học cơ sở], [3]**

Học phần cập nhật những kiến thức mới về Tin học trong thời đại công nghiệp 4.0, chuyển đổi số và những ứng dụng đặc trưng của Tin học trong nhóm ngành kinh tế. Từ những

thông tin, các thao tác thực hành của môn học giúp sinh viên có thể biết, hiểu, vận dụng những khái niệm, những ứng dụng mới của Tin học dùng trong các lĩnh vực của nhóm ngành kinh tế, sinh viên có thể tiếp cận cách giải quyết các bài toán liên quan thông qua các thao tác: tổ chức, lưu trữ, xử lý dữ liệu bằng công cụ, ứng dụng có sẵn của Python.

37.[1140170], [Kinh tế vi mô], [3]

Kinh tế vi mô là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, nghiên cứu bản chất của hiện tượng kinh tế, tính quy luật và xu hướng vận động của các hiện tượng trong nền kinh tế thị trường. Khác với Kinh tế vĩ mô nghiên cứu nền kinh tế như một tổng thể, Kinh tế vi mô tập trung vào việc phân tích các hành vi của các chủ thể kinh tế như người sản xuất, người tiêu dùng, kể cả Chính phủ trên từng thị trường riêng biệt. Học phần có quan hệ là nền tảng cho các học phần khác như: Marketing căn bản, Khởi sự kinh doanh.

38.[1140171], [Kinh tế vĩ mô], [3]

Đây là một trong các học phần cung cấp kiến thức cơ sở ngành cho ngành quản trị kinh doanh. Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên hiểu biết về nguyên lý của kinh tế học, các vấn đề kinh tế vĩ mô như sản lượng quốc gia, tổng cung tổng cầu, lạm phát và thất nghiệp và các vấn đề liên quan đến chính sách của chính phủ sử dụng để điều hành nền kinh tế. Bên cạnh đó học phần cũng cung cấp các kiến thức liên quan đến nền kinh tế mở như cán cân thanh toán và tỷ giá hối đoái. Học phần có quan hệ bổ trợ với các học phần khác như kinh tế vi mô, kinh tế phát triển, tài chính - tiền tệ.

39.[1150075], [Quản trị học], [3]

Đây là một trong các học phần cung cấp kiến thức kiến thức nền tảng của ngành quản trị kinh doanh. Học phần cung cấp cho sinh viên những khái niệm, nội dung cơ bản về quản trị, tiếp cận và nắm bắt được các quan điểm, lý thuyết quản trị, kiến thức và kỹ năng thực hiện các chức năng quản trị, khả năng giải quyết các bài tập tình huống quản trị và rút ra những phương pháp và nguyên tắc chung có thể ứng dụng trong thực tiễn. Học phần trang bị những kiến thức rất cần thiết cho các nhà quản trị trong tất cả các lĩnh vực. Học phần có quan hệ bổ trợ với các học phần khác như kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô, quản trị marketing và học phần đào tạo các chức năng hỗ trợ khác trong tổ chức.

40.[1170330], [Đại cương lịch sử Việt Nam], [3]

Trên cơ sở hướng tiếp cận lịch đại, toàn diện và toàn bộ, học phần cung cấp cho người học những hiểu biết cơ bản, có hệ thống về tiến trình lịch sử Việt Nam từ thời nguyên thủy đến nay trên tất cả các phương diện: chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, tư tưởng... Qua đó, nhận diện được đặc trưng của lịch sử Việt Nam; đồng thời đánh giá được những sự kiện lịch sử nổi bật qua từng giai đoạn. Đây là những kiến thức cơ sở, nền tảng giúp người học tiếp cận những môn học thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, đồng

thời hình thành kỹ năng tìm kiếm các nguồn tài liệu, phát triển khả năng tự nghiên cứu, vận dụng kiến thức Lịch sử Việt Nam cho hoạt động nghề nghiệp sau này.

41.[1170331], [Cơ sở văn hóa Việt Nam], [2]

Cơ sở văn hóa Việt Nam là học phần thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp trong chương trình đào tạo trình độ đại học. Trên cơ sở xác định mục tiêu và chuẩn đầu ra, học phần được xây dựng nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn hóa Việt Nam với các thành tố cơ bản thể hiện trong văn hóa tổ chức đời sống tập thể và đời sống cá nhân, trong sự tương tác giữa con người với môi trường tự nhiên và xã hội thông qua văn hóa ứng xử. Qua đó, giúp sinh viên hiểu rõ hơn về bản sắc văn hóa dân tộc, đồng thời biết vận dụng và phát huy những giá trị văn hóa trong bối cảnh hội nhập và phát triển hiện nay.

42.[2020463], [Địa lý du lịch], [2]

Địa lý du lịch là học phần cơ sở quan trọng trong chương trình đào tạo các ngành và chuyên ngành du lịch. Học phần sử dụng nguồn tài liệu được cập nhật thường xuyên, đặc biệt nguồn thông kê có cơ sở khoa học và chính xác phục vụ quá trình học tập, các nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực du lịch sau này của sinh viên.

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản ở 3 nội dung chính: Cơ sở lý luận về địa lý du lịch, Địa lý du lịch thế giới, Địa lý du lịch Việt Nam.

43.[1150463], [Nhập môn du lịch], [3]

Môn học cung cấp cho sinh viên những khái niệm, cách tiếp cận về khoa học du lịch, trang bị các kiến thức về du lịch, khách du lịch, sản phẩm du lịch, các thuật ngữ chung cho ngành lữ hành và khách sạn; các xu hướng phát triển du lịch trong tương lai; điều kiện để phát triển du lịch; cơ sở vật chất và kỹ thuật trong du lịch; lao động trong du lịch; dự báo hoạt động du lịch; hiệu quả trong du lịch; đo lường các hoạt động du lịch và chất lượng dịch vụ du lịch... Học phần có quan hệ hỗ trợ với các học phần khác như quản trị kinh doanh lữ hành, quản trị khách sạn, nghiệp vụ lữ hành, nghiệp vụ khách sạn... và học phần đào tạo các chức năng hỗ trợ khác trong doanh nghiệp lữ hành và khách sạn.

44.[1150132], [Văn hóa du lịch], [2]

Đây là một trong các học phần cung cấp kiến thức cơ sở ngành quản trị kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành và khách sạn. Học phần cung cấp cho người học những khái niệm, cách tiếp cận hoạt động du lịch và kinh doanh du lịch từ khía cạnh văn hóa, hoạt động văn hóa trong du lịch; những kiến thức cơ bản về nguyên tắc, phương pháp trong kinh doanh du lịch đảm bảo văn hóa vùng, quốc gia, các nguồn tài nguyên nhân văn và giới thiệu chung về các hoạt động kinh doanh du lịch văn hóa trong thực tiễn.

45.[1010393], [Thống kê du lịch], [2]

Học phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về thống kê, các giai đoạn chính của quá trình nghiên cứu thống kê, các phương pháp phân tích thống kê thường dùng;

hiểu, biết và vận dụng các hình thức tiến hành điều tra, thu thập thông tin, các bước tổng hợp, phân tích, xử lý thông tin bằng việc sử dụng phương pháp phân tích thống kê khác nhau như: thống kê mô tả, phân tích sự biến động của hiện tượng,.... Từ đó, sinh viên có thể hiểu và tính toán được các chỉ tiêu kinh tế để nhận thức được chính xác hiện tượng kinh tế xã hội, trên cơ sở đó đưa ra những quyết định phù hợp và chính xác trong quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, cũng như quản trị khách sạn.

46.[1150472], [Đạo đức trong kinh doanh du lịch và khách sạn], [2]

Đây là một trong các học phần cung cấp kiến thức cơ sở của ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Học phần cung cấp những lý thuyết cơ bản về đạo đức kinh doanh và vấn đề đạo đức kinh doanh trong hoạt động dịch vụ du lịch và lữ hành; Các triết lý đạo đức trong kinh doanh và các nghĩa vụ trong trách nhiệm xã hội của công ty du lịch và lữ hành; Phương pháp và công cụ phân tích hành vi đạo đức trong kinh doanh.

47.[1150322], [Hành vi khách du lịch], [2]

Đây là một trong các học phần cung cấp kiến thức cơ sở ngành Quản trị khách sạn và ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Học phần đề cập đến các nội dung cơ bản về hành vi mua của người tiêu dùng du lịch như các loại khách du lịch, các mô hình hành vi mua của người tiêu dùng du lịch, các nội dung cũng như vai trò việc nghiên cứu hành vi mua của người tiêu dùng du lịch. Bên cạnh đó, học phần cũng nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi khách du lịch như các nhân tố văn hóa, xã hội, gia đình, cá nhân, tâm lý và quá trình ra quyết định cũng như các phương pháp nghiên cứu hành vi người tiêu dùng du lịch. Học phần có quan hệ bổ trợ với các học phần khác như Marketing du lịch và khách sạn, Văn hóa du lịch và các học phần đào tạo các chức năng hỗ trợ khác trong doanh nghiệp.

48.[1150084], [Quản trị nhân lực], [3]

Đây là một trong các học phần cung cấp kiến thức ngành của ngành quản trị kinh doanh, đó là quản trị con người (người lao động trong tổ chức). Học phần đề cập đến các nội dung về tầm quan trọng của việc quản lý con người, hoạch định nguồn nhân lực, phân tích công việc, tuyển dụng, đánh giá thực hiện công việc của người lao động, tạo động lực lao động và trả công lao động nhằm trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng quản trị nhân lực cần thiết đảm bảo hiệu quả sử dụng nhân lực và hoạt động kinh doanh của tổ chức. Học phần có quan hệ bổ trợ với các học phần khác như quản trị tài chính, quản trị marketing và các học phần đào tạo các chức năng hỗ trợ khác trong doanh nghiệp.

49.[1150465], [Quản trị chiến lược trong doanh nghiệp lữ hành và khách sạn], [3]

Học phần Quản trị chiến lược trong doanh nghiệp lữ hành và khách sạn cung cấp cho sinh viên những khái niệm, cách tiếp cận, phân loại, quy trình và các nội dung của quản trị chiến lược. Đồng thời, môn học cũng cung cấp phương pháp và những công cụ kỹ thuật giúp sinh viên có thể thực hiện các hoạt động nghiên cứu và phân tích, đánh giá môi trường, xây dựng và lựa chọn chiến lược cho doanh nghiệp lữ hành và khách sạn. Các chiến

lược của các doanh nghiệp lữ hành và khách sạn trong thực tiễn cũng được trình bày một cách sinh động, được hệ thống và tìm ra đặc trưng giúp sinh viên có thể nhận biết và vận dụng trong thực tế ở doanh nghiệp lữ hành và khách sạn.

Học phần Quản trị chiến lược trong doanh nghiệp lữ hành và khách sạn nằm trong khối kiến thức bắt buộc đối với sinh viên các ngành quản trị kinh doanh lữ hành và khách sạn, cung cấp cho các em cách tiếp cận, các phương pháp, kỹ năng tư duy chiến lược, phân tích chiến lược, ra quyết định, triển khai và đánh giá chiến lược trong bối cảnh ngành lữ hành và khách sạn. Tính tổng quát, và tầm nhìn dài hạn là đặc trưng khác biệt giữa học phần quản trị chiến lược với các học phần quản trị cụ thể như quản trị Marketing, quản trị tài chính, quản trị doanh nghiệp dịch vụ, ... Sinh viên cũng cần có những hiểu biết về các học phần quản trị cụ thể khi thực hiện các phân tích chiến lược.

50.[1150469], [Quản trị tài chính trong doanh nghiệp lữ hành và khách sạn], [3]

- Học phần cung cấp kiến thức tổng quan về quản trị tài chính trong doanh nghiệp lữ hành và khách sạn, cách vận dụng các thông tin kế toán và thông tin khác để đưa ra các quyết định tài chính quan trọng đặc biệt với ngành lữ hành khách sạn.

- Học phần thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành, học phần có quan hệ chặt chẽ đến học phần kế toán quản trị, thiết lập và thẩm định dự án đầu tư, quản trị rủi ro, quản trị nguồn nhân sự hay quản trị marketing. Kiến thức của các học phần này sẽ hỗ trợ và giúp cho nhà quản trị ra quyết định đúng cho việc hoạch định chiến lược kinh doanh của tổ chức.

51.[1150268], [Quản trị kinh doanh nhà hàng - khách sạn], [3]

Học phần cung cấp khái niệm về khách sạn, đặc điểm của ngành kinh doanh khách sạn và giúp người học hiểu rõ lịch sử hình thành ngành kinh doanh khách sạn; Hiểu rõ về cơ sở vật chất trong khách sạn, cách phân loại khách sạn, các tiêu chuẩn để xếp hạng khách sạn. Đồng thời, học phần đưa ra các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất kỹ thuật của khách sạn, cách thức quản lý bộ máy quản trị nguồn nhân lực trong khách sạn, cách thức tuyển dụng, đào tạo và đãi ngộ trong khách sạn; Chỉ ra các bộ phận cần có trong hoạt động kinh doanh lưu trú và cách thức tổ chức hoạt động kinh doanh lưu trú. Quản trị kinh doanh nhà hàng - khách sạn còn hướng dẫn trình tự xây dựng thực đơn, quản lý nguyên vật liệu, quy trình chế biến và các loại đồ dùng khác...; Các hoạt động marketing trong khách sạn có hiệu quả; Sử dụng các chỉ tiêu để đánh giá chất lượng dịch vụ trong khách sạn; Cách thức quản lý để nâng cao chất lượng dịch vụ khách sạn; Sử dụng các chỉ tiêu kinh tế để đánh giá kết quả kinh doanh khách sạn, đánh giá tình hình tài chính của khách sạn. Học phần cung cấp kỹ năng nhân sự, kỹ năng phân tích đánh giá hiệu quả các hoạt động trong khách sạn, kỹ năng marketing cho khách sạn – nhà hàng... Học phần có quan hệ bổ trợ với các học phần khác như nghiệp vụ kinh doanh nhà hàng – khách sạn, kinh doanh yến tiệc, tổ chức sự kiện và các học phần đào tạo khác trong ngành quản trị khách sạn.

52.[1150351], [Quản trị kinh doanh lữ hành], [3]

Môn học cung cấp cho sinh viên những khái niệm, cách tiếp cận khoa học, trang bị các kiến thức về du lịch, khách du lịch, sản phẩm du lịch, các thuật ngữ chung cho ngành lữ hành và khách sạn; loại hình sản phẩm kinh doanh lữ hành, các đặc trưng của sản phẩm lữ hành, xu hướng phát triển lữ hành; phân loại được các hãng lữ hành, tổ chức hoạt động của các hãng lữ hành, các quy định nhà nước về lữ hành. Môn học giúp cho người học hiểu được cách thức xây dựng chương trình du lịch, cách tính giá tour, xác định giá bán buôn/phòng, giá bán vé máy bay dự báo hoạt động du lịch; Hiểu được hoạt động hướng dẫn viên, phân loại hướng dẫn viên, các hoạt động cần thực hiện khi hướng dẫn, quy tắc xử lý tình huống; Hiểu được các hoạt động marketing trong lữ hành, các công cụ sử dụng đo lường các hoạt động du lịch và chất lượng dịch vụ du lịch, xây dựng chiến lược trong kinh doanh lữ hành, các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả kinh doanh lữ hành... Học phần có quan hệ hỗ trợ với các học phần khác như quản trị kinh doanh lữ hành, quản trị khách sạn, nghiệp vụ lữ hành, nghiệp vụ khách sạn... và học phần đào tạo các chức năng hỗ trợ khác trong doanh nghiệp.

53.[1150475], [Quản trị du lịch MICE], [3]

Quản trị du lịch MICE là học phần liên quan đến việc tổ chức du lịch kết hợp hội nghị, hội thảo, triển lãm, du lịch khen thưởng của các công ty cho nhân viên và đối tác. MICE – viết tắt của Meeting (hội họp), Incentive (khen thưởng), Convention (hội nghị, hội thảo) và Exhibition (triển lãm). Tên đầy đủ Tiếng Anh là Meeting Incentive Conference Event.

54.[1150478], [Điều hành chương trình du lịch], [2]

Học phần trang bị cho người học những nội dung cơ bản về tổ chức và hoạt động của công ty du lịch; những kiến thức và kỹ năng về thiết kế và tổ chức Tour du lịch, phương pháp định giá Tour, hoạt động marketing và bán Tour du lịch...; nhằm giúp người học có được kiến thức và kỹ năng trong xây dựng, thực hiện và quản lý các Tour du lịch.

55.[1150471], [Tuyển điểm du lịch Việt Nam], [2]

Tuyển điểm du lịch Việt Nam là học phần nghiệp vụ lý thuyết và thực hành dành cho người học Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, khoa TC - NH & QTKD, trường Đại học Quy Nhơn. Là Học phần hỗ trợ cho môn Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch, Tuyển điểm du lịch Việt Nam đặc biệt thích hợp cho những người học có khuynh hướng chọn hướng dẫn du lịch là công việc tương lai. Học phần cung cấp nhiều kiến thức địa lý, văn hoá, xã hội, lịch sử, môi trường du lịch cùng những vấn đề liên quan đến tuyển-điểm du lịch của Việt Nam làm cơ sở để thiết kế các chương trình du lịch và phục vụ cho hoạt động thuyết minh hướng dẫn du lịch. Nội dung chính của học phần bao gồm 4 chương. Cụ thể: 1 chương Lý luận chung, giới thiệu những điều kiện để hình thành tuyển điểm du lịch và 3 chương kiến thức ngành, giới thiệu những điểm tuyển du lịch cụ thể trên toàn lãnh thổ Việt Nam.

56.[1150479], [Kỹ năng hoạt náo trong du lịch], [3]

Môn học cung cấp cho sinh viên những khái niệm, cách tiếp cận về khoa học, trang bị các kiến thức về du lịch, khách du lịch, sản phẩm du lịch, các thuật ngữ chung cho ngành lữ hành và khách sạn. Học phần trang bị cho người học những kiến thức: về các kỹ năng hỗ trợ cho sinh viên chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành bao gồm: kỹ năng hoạt náo, kỹ năng tổ chức teambuilding và kỹ năng tổ chức Gala Dinner. Học phần có quan hệ hỗ trợ với các học phần khác như quản trị kinh doanh lữ hành, quản trị khách sạn, nghiệp vụ lữ hành, nghiệp vụ khách sạn, nghiệp vụ hướng dẫn... và học phần đào tạo các chức năng hỗ trợ khác trong doanh nghiệp.

57.[1150317], [Phương pháp thuyết minh trong du lịch], [2]

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về thuyết minh du lịch tại điểm tham quan, tuyến điểm du lịch, tới những lĩnh vực gần gũi hay có liên quan tới các đối tượng tham quan, tới địa phương trên tuyến tham quan của đoàn khách ... Cụ thể, học phần đề cập đến khái niệm, vai trò, các loại hình thuyết minh trong du lịch. Đồng thời học phần cũng đề cập đến các nguyên tắc, cấu trúc nội dung, yêu cầu khi xây dựng một bài thuyết minh. Bên cạnh đó các nguyên tắc, phương pháp và kỹ năng cần thiết trong quá trình thuyết minh được giới thiệu giúp người học rèn luyện kỹ năng và ứng dụng chúng vào trong công tác hướng dẫn du lịch của mình. Học phần có quan hệ hỗ trợ với các học phần khác như Quản trị kinh doanh lữ hành; Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch; Thực tế chuyên môn: Tham quan và Hướng dẫn du lịch; Nghiệp vụ lữ hành.... và các học phần đào tạo các chức năng hỗ trợ khác trong doanh nghiệp kinh doanh du lịch.

58.[1150324], [Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch], [3]

Nếu xem hoạt động hướng dẫn du lịch dưới góc độ xã hội thì đó là quá trình giao tiếp giữa người tham gia hoạt động hướng dẫn du lịch với khách du lịch nhằm tạo môi trường thuận lợi cho khách du lịch có điều kiện để cảm nhận đầy đủ và sâu sắc giá trị của tài nguyên du lịch. Học phần Nghiệp vụ Hướng dẫn du lịch cung cấp cho người học hệ thống kiến thức và về nghiệp vụ, kỹ năng cần phải có của một hướng dẫn viên du lịch trước, trong và sau chuyến đi. Cụ thể, học phần giới thiệu tổng quan về hoạt động hướng dẫn du lịch và những yêu cầu, phẩm chất cần có của hướng dẫn viên du lịch và các công việc của hướng dẫn viên theo tiêu chuẩn VTOS. Ngoài ra, quy trình tổ chức hướng dẫn khách du lịch theo hình thức tổ chức chuyến đi; phương pháp hướng dẫn; biên tập tư liệu và thuyết minh du lịch; phương pháp trả lời câu hỏi, đối thoại với khách; phương pháp xử lý tình huống... và một số kỹ năng hoạt náo cần thiết khác của người hướng dẫn viên cũng được cung cấp trong học phần này. Học phần có quan hệ hỗ trợ với các học phần khác như Quản trị kinh doanh lữ hành; Phương pháp thuyết minh trong du lịch; Thực tế chuyên môn: Tham quan và Hướng dẫn du lịch; Nghiệp

vụ lữ hành.... và các học phần đào tạo các chức năng hỗ trợ khác trong doanh nghiệp kinh doanh du lịch.

59.[1150473], [Du lịch sinh thái], [2]

Môn học này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về quy luật tương tác giữa các thành phần môi trường trong một hệ sinh thái, tính đa dạng sinh học, diễn thế và sự phụ thuộc lẫn nhau của chúng theo quy luật vận động và phát triển của du lịch sinh thái. Giới thiệu cho sinh viên hiểu biết thêm về cơ sở sinh thái môi trường, sinh thái cảnh quan, cái hay, cái đẹp, cái hấp dẫn của một số loại hình sinh thái đặc thù, khai thác nhằm phục vụ cho hướng dẫn du lịch sinh thái và bảo vệ môi trường bền vững mà trước hết là phát triển loại hình du lịch sinh thái bền vững, tạo tay nghề cho hướng dẫn viên hay quy hoạch tiến tới thiết kế du lịch sinh thái cho một khu hay một tour du lịch sinh thái. Ngoài ra người học còn được học thêm những kiến thức về quản trị kinh doanh lữ hành và những kiến thức tối thiểu về nghiệp vụ khách sạn nhà hàng. Môn này sẽ được tổ chức dạy theo phương pháp tích cực.

60.[1150474], [Du lịch văn hóa], [2]

Môn học này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản chính là trang bị kỹ năng nhận diện và khai thác các giá trị văn hóa của tài nguyên du lịch văn hóa: Lễ hội, di tích lịch sử văn hóa, Làng nghề truyền thống, Di sản Thế giới ở Việt Nam..... Đồng thời khái quát thực trạng và xu thế phát triển du lịch văn hóa Việt Nam. Giới thiệu cho sinh viên hiểu biết thêm về cơ sở văn hoá, sinh thái cảnh quan, cái hay, cái đẹp, cái hấp dẫn của một số loại hình du lịch văn hoá đặc thù, khai thác nhằm phục vụ cho hướng dẫn du lịch văn hoá và bảo vệ môi trường bền vững mà trước hết là phát triển loại hình du lịch văn hoá bền vững, tạo tay nghề cho hướng dẫn viên hay quy hoạch tiến tới thiết kế du lịch văn hoá cho một khu hay một tour du lịch văn hoá. Ngoài ra người học còn được học thêm những kiến thức về quản trị kinh doanh lữ hành và những kiến thức tối thiểu về nghiệp vụ hướng dẫn. Môn này sẽ được tổ chức dạy theo phương pháp tích cực.

61.[1150467], [Thực tế chuyên môn 1: Tham quan và tìm hiểu văn hóa vùng miền], [1]

Học phần Thực tế chuyên môn 1 giúp người học có cái nhìn tổng quan và chi tiết về văn hóa vùng miền của các địa điểm du lịch; cách thức lên lịch trình, hiểu rõ điểm đến tham quan, soạn bài thuyết minh điểm đến; đặc biệt chú trọng văn hóa vùng miền của các điểm đến du lịch. Người học phải hiểu rõ phương tiện di chuyển, lộ trình di chuyển, phương thức thuê phương tiện di chuyển, lưu trú, ăn uống, tham quan giải trí. Học phần có quan hệ hỗ trợ với các học phần khác như quản trị kinh doanh lữ hành, quản trị khách sạn, nghiệp vụ lữ hành, nghiệp vụ khách sạn... và học phần đào tạo các chức năng hỗ trợ khác trong doanh nghiệp lữ hành và khách sạn.

62.[1150470], [Thực tế chuyên môn 2: Tham quan và khảo sát tuyến điểm du lịch], [2]

Thực tế chuyên môn 2 sẽ giúp cho người học có sự hiểu biết về thực tế các hoạt động cần có của một tour du lịch trọn gói, các tuyến điểm du lịch, cung đường du lịch. Người học sẽ hiểu rõ thực tế cho hoạt động thuê dịch vụ vận chuyển, dịch vụ lưu trú, dịch vụ tham

quan, giải trí. Chi phí cho tất cả các hoạt động trên, từ đó tính được giá thành của chương trình tham quan. Học phần giúp người học có cái nhìn tổng quan và chi tiết về các tuyến điểm du lịch, cách thức di chuyển khoa học và hiệu quả. Học phần có quan hệ hỗ trợ với các học phần khác như quản trị kinh doanh lữ hành, quản trị khách sạn, nghiệp vụ lữ hành, nghiệp vụ khách sạn... và học phần đào tạo các chức năng hỗ trợ khác trong doanh nghiệp lữ hành và khách sạn.

63.[1150477], [Thực tế chuyên môn 3: Tham quan và Hướng dẫn du lịch 1], [2]

Thực tế chuyên môn 3 sẽ giúp cho người học có sự hiểu biết về thực tế các hoạt động cần có của một tour du lịch trọn gói, các tuyến điểm du lịch, cung đường du lịch. Người học sẽ hiểu rõ thực tế cho hoạt động thuê dịch vụ vận chuyển, dịch vụ lưu trú, dịch vụ tham quan, giải trí. Chi phí cho tất cả các hoạt động trên, từ đó tính được giá thành của chương trình tham quan. Học phần giúp người học có cái nhìn tổng quan và chi tiết về các tuyến điểm du lịch, cách thức di chuyển khoa học và hiệu quả. Ngoài ra, học phần tạo môi trường cho sinh viên thực hành, ứng dụng các kiến thức, kỹ năng đã học trong môi trường thực tế của một tour du lịch. Học phần giúp sinh viên hoàn thiện kỹ năng mềm, năng lực tư duy, giải quyết tình huống khi dẫn tour du lịch. Học phần có quan hệ hỗ trợ với các học phần khác như quản trị kinh doanh lữ hành, quản trị khách sạn, nghiệp vụ lữ hành, nghiệp vụ khách sạn... và học phần đào tạo các chức năng hỗ trợ khác trong doanh nghiệp lữ hành và khách sạn.

64.[1150483], [Thực tế chuyên môn 4: Tham quan và Hướng dẫn du lịch 2], [2]

Học phần cung cấp kiến thức về thực tế các hoạt động cần có của một tour du lịch trọn gói, các tuyến điểm du lịch, cung đường du lịch. Người học sẽ hiểu rõ thực tế cho hoạt động thuê dịch vụ vận chuyển, dịch vụ lưu trú, dịch vụ tham quan, giải trí. Chi phí cho tất cả các hoạt động trên, từ đó tính được giá thành của chương trình tham quan. Học phần giúp người học có cái nhìn tổng quan và chi tiết về các tuyến điểm du lịch, cách thức di chuyển khoa học và hiệu quả. Ngoài ra, học phần tạo môi trường cho sinh viên thực hành, ứng dụng các kiến thức, kỹ năng đã học trong môi trường thực tế của một tour du lịch. Học phần giúp sinh viên hoàn thiện kỹ năng mềm, năng lực tư duy, giải quyết tình huống khi dẫn tour du lịch. Học phần có quan hệ hỗ trợ với các học phần khác như quản trị kinh doanh lữ hành, quản trị khách sạn, nghiệp vụ lữ hành, nghiệp vụ khách sạn... và học phần đào tạo các chức năng hỗ trợ khác trong doanh nghiệp lữ hành và khách sạn.

65.[1150331], [Phát triển du lịch bền vững], [2]

- Học phần cung cấp kiến thức tổng quan về sự cấp thiết của du lịch bền vững, nội dung cơ bản của phát triển du lịch bền vững, vai trò của các ngành hỗ trợ trong phát triển du lịch bền vững, và nội dung quản trị chất lượng trong phát triển du lịch bền vững.

- Học phần thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, học phần có quan hệ chặt chẽ đến học phần Nhập môn du lịch.

66.[1150482], [Quy hoạch và chính sách du lịch], [2]

Học phần Quy hoạch và chính sách du lịch cung cấp cho người học kiến thức về nơi đến du lịch, lý luận về quy hoạch du lịch, nội dung trong quy hoạch du lịch quốc gia và vùng, các vấn đề cần cân nhắc trong quy hoạch phát triển du lịch, kết quả quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam. Qua đó, người học có cái nhìn tổng quan về quy hoạch du lịch và có thể tham gia vào nhóm, các dự án quy hoạch du lịch trong tương lai.

67.[1150481], [Quản trị dịch vụ vận chuyển du lịch], [2]

Môn học cung cấp cho sinh viên những khái niệm, cách tiếp cận về khoa học, trang bị các kiến thức về du lịch, khách du lịch, sản phẩm du lịch, các thuật ngữ chung cho ngành lữ hành và khách sạn. Học phần trang bị cho sinh viên ngành quản trị du lịch nắm được những nội dung cơ bản và có hệ thống về ngành công nghiệp vận chuyển nói chung và ngành vận chuyển du lịch nói riêng; trang bị kiến thức và kỹ năng để đánh giá, lập kế hoạch, thực hiện và quản lý các hoạt động marketing, đầu tư, tài chính... của hãng vận chuyển du lịch. Học phần có quan hệ hỗ trợ với các học phần khác như quản trị kinh doanh lữ hành, quản trị khách sạn, nghiệp vụ lữ hành, nghiệp vụ khách sạn... và học phần đào tạo các chức năng hỗ trợ khác trong doanh nghiệp.

68.[1150480], [Quản trị đại lý lữ hành], [2]

Môn học cung cấp cho sinh viên những khái niệm, cách tiếp cận về khoa học, trang bị các kiến thức về du lịch, khách du lịch, sản phẩm du lịch, các thuật ngữ chung cho ngành lữ hành và khách sạn. Học phần trang bị cho sinh viên ngành quản trị du lịch nắm được những nội dung cơ bản và có hệ thống về ngành lữ hành nói chung và ngành đại lý lữ hành nói riêng; trang bị kiến thức và kỹ năng để đánh giá, lập kế hoạch, thực hiện và quản lý các hoạt động marketing, đầu tư, tài chính... của hãng đại lý lữ hành. Học phần có quan hệ hỗ trợ với các học phần khác như quản trị kinh doanh lữ hành, quản trị khách sạn, nghiệp vụ lữ hành, nghiệp vụ khách sạn... và học phần đào tạo các chức năng hỗ trợ khác trong doanh nghiệp.

69.[1110235], [Nghệ thuật truyền thống Việt Nam], [2]

Môn học cung cấp cho sinh viên những khái niệm về nghệ thuật truyền thống Việt Nam, cách tiếp cận khoa học nghệ thuật truyền thống, trang bị các kiến thức về nghệ thuật truyền thống Việt Nam; loại hình nghệ thuật âm nhạc, nghệ thuật sân khấu âm nhạc, thể loại nhạc cụ dân tộc, loại hình nghệ thuật kiến trúc, nghệ thuật điêu khắc, trang phục truyền thống các dân tộc Việt, truyền thống làng nghề Việt cổ. Môn học giúp cho người học hiểu được các loại hình nghệ thuật truyền thống Việt Nam hình thành và phát triển, dựa trên yếu tố lịch sử,

trải dài suốt bốn ngàn năm văn hiến; Cảm nhận được sự độc đáo của những làn điệu âm nhạc dân gian truyền thống, thấm thấu được nét tinh tế của loại hình nghệ thuật sân khấu, nhạc cụ truyền thống, nhận ra được vẻ đẹp độc đáo của nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc, các trang phục truyền thống, làng nghề truyền thống... Học phần có quan hệ hỗ trợ với các học phần khác như quản trị kinh doanh lữ hành, quản trị khách sạn, nghiệp vụ lữ hành, nghiệp vụ khách sạn... và học phần đào tạo các chức năng hỗ trợ khác trong doanh nghiệp.

70.[1150462], [Lễ tân ngoại giao], [2]

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về công tác lễ tân trong ngoại giao, chủ yếu tập trung vào công tác lễ tân cấp nội bộ quốc gia. Bên cạnh trang bị kiến thức tổng quát về quan hệ quốc tế, hệ thống cơ quan đối ngoại của Nhà nước, biểu tượng quốc gia (quốc ca, quốc kỳ, quốc huy) và lễ tân ngoại giao, học phần còn cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về nghiệp vụ ngoại giao như bố trí chỗ ngồi trên xe, ngôi thứ và xếp chỗ, cách thức tổ chức một bữa tiệc chiêu đãi ngoại giao; sinh viên được vận dụng các kiến thức này để giải quyết các tình huống trong đối ngoại và lên kế hoạch tổ chức một số hoạt động lễ tân liên quan đến công việc chuyên môn. Học phần có quan hệ hỗ trợ với các học phần khác như quản trị tiền sảnh – lễ tân, quản trị kinh doanh khách sạn - nhà hàng, thực hành nghiệp vụ tiền sảnh – lễ tân và các học phần đào tạo các chức năng hỗ trợ khác trong các đơn vị, tổ chức.

71. [1150312], [Marketing du lịch và khách sạn], [3]

Với cách tiếp cận tích hợp, học phần này giới thiệu với người học những kiến thức cơ bản về marketing, marketing du lịch và khách sạn như: Thị trường du lịch, khách sạn; nghiên cứu thị trường du lịch, khách sạn; hiểu biết về hành vi người tiêu dùng sản phẩm-dịch vụ du lịch và khách sạn; phân đoạn thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị dịch vụ; chiến lược marketing trong doanh nghiệp du lịch, khách sạn. Đồng thời học phần cung cấp lý thuyết về Marketing hỗn hợp (Marketing - Mix) để tác động vào thị trường mục tiêu nhằm thỏa mãn nhu cầu khách hàng mục tiêu và đạt được các mục tiêu đã đặt ra của doanh nghiệp du lịch và khách sạn

72.[1150468], [Kinh doanh du lịch trực tuyến], [2]

Kinh doanh du lịch trực tuyến là học phần nghiệp vụ lý thuyết và thực hành dành cho người học Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, khoa TC - NH & QTKD, trường Đại học Quy Nhơn. Học phần có hỗ trợ với các học phần khác như quản trị học, quản trị nhân lực, quản trị kinh doanh lữ hành. Hơn bao giờ hết, các doanh nghiệp du lịch và các tổ chức tiếp thị điếm đến phải đối mặt với những thay đổi công nghệ và áp dụng các nguyên tắc hợp tác làm việc và chia sẻ nguồn lực. Học phần là một hướng dẫn cần thiết cho những người chuẩn bị tiếp nhận kinh doanh du lịch trực tuyến. Học phần cung cấp nhiều kiến thức tổng quan về công nghệ thông tin, các chiến lược kỹ thuật số trong du lịch, công nghệ thông tin trong du lịch và lữ hành.

73.[1140048], [Nguyên lí kế toán], [3]

Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên hiểu biết và có thể vận dụng kiến thức đã học để hạch toán các nghiệp vụ kinh tế chủ yếu trong doanh nghiệp, học phần Nguyên lí kế toán bao gồm một số nội dung cơ bản như sau: hệ thống hóa những nét tổng quan nhất về đối tượng, nhiệm vụ và các nguyên tắc kế toán chung; các phương pháp sử dụng trong hạch toán kế toán; một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu trong thực tiễn.

Học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành và khối ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Quản trị kinh doanh. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức về Kinh tế học vi mô, Kinh tế học vĩ mô; học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức cơ bản về kế toán đối với sinh viên ngành quản trị kinh doanh và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.

74.[1150466], [Tài chính - tiền tệ], [2]

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức chung về tài chính và tiền tệ. Nội dung kiến thức tài chính cụ thể như tài chính doanh nghiệp, thị trường tài chính, ngân sách nhà nước và tài chính quốc tế. Về tiền tệ, học phần sẽ cung cấp kiến thức về bản chất của tiền tệ, cung cầu tiền tệ, lạm phát tiền tệ, lãi suất, hoạt động của hệ thống trung gian tài chính, ngân hàng trung ương và việc sử dụng công cụ chính sách tiền tệ trong các điều kiện của nền kinh tế. Kiến thức học phần này là nền tảng giúp cho sinh viên học tốt các môn học trong chuyên ngành kế toán, quản trị kinh doanh, kinh tế, du lịch.

75.[1150315], [Tiếng Anh chuyên ngành du lịch và khách sạn 1], [3]

Học phần giúp sinh viên trau dồi kiến thức về tiếng Anh trong du lịch và khách sạn thông qua việc cung cấp những thuật ngữ, từ vựng có liên quan đến các chủ đề về du lịch và khách sạn. Sinh viên còn có cơ hội vận dụng thuật ngữ tiếng Anh trong du lịch và khách sạn kết hợp những chủ điểm ngữ pháp trọng tâm của tiếng Anh vào các tình huống thực tế trong du lịch và khách sạn. Trong quá trình học, sinh viên cũng sẽ tham gia thảo luận các chủ đề của bài đọc từ đó có thể phát triển các kỹ năng ngôn ngữ khác cũng như nâng cao vốn từ vựng của bản thân.

76.[1150314], [Tiếng Anh chuyên ngành du lịch và khách sạn 2], [3]

Học phần giúp sinh viên trau dồi thêm kiến thức về tiếng Anh trong du lịch và khách sạn thông qua việc cung cấp thêm những thuật ngữ, từ vựng có liên quan đến các chủ đề về du lịch và khách sạn. Sinh viên có cơ hội vận dụng thuật ngữ tiếng Anh trong du lịch và khách sạn kết hợp những chủ điểm ngữ pháp trọng tâm của tiếng Anh vào các tình huống thực tế trong du lịch và khách sạn. Trong quá trình học, sinh viên cũng sẽ tham gia thảo luận các chủ đề của bài đọc từ đó có thể phát triển các kỹ năng ngôn ngữ khác cũng như nâng cao vốn từ vựng của bản thân.

77.[1140104], [Toán kinh tế], [3]

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức toán giải tích cơ bản về hàm số một biến, hàm số nhiều biến, phép toán tích phân, phương trình vi phân và những ứng dụng của chúng trong phân tích kinh tế.

Học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của khối ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Dựa trên nền tảng sinh viên đã nắm rõ các khái niệm cơ bản của kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô, học phần giúp người học hiểu được cách thức áp dụng các công cụ toán học để giải quyết các bài toán kinh tế, hỗ trợ quá trình ra quyết định trong kinh tế học vi mô.

78.[1140033], [Kinh tế lượng], [3]

- Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phân tích hồi quy – một công cụ hữu hiệu trong phân tích và dự báo kinh tế - xã hội. Học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên xây dựng được mô hình; phân tích hồi quy và kiểm định các khuyết tật của mô hình. Ngoài ra, học phần giúp sinh viên thực hành xử lý số liệu trên phần mềm Eviews.

- Học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức về thống kê, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức về thiết lập mô hình, phân tích hồi quy là nền tảng cho việc học tập và nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực kinh tế - quản lý.

79.[1150464], [Phương pháp nghiên cứu khoa học trong ngành dịch vụ], [2]

Học phần cung cấp cho người học một số khái niệm cơ bản về khoa học, nghiên cứu khoa học, phương pháp nghiên cứu khoa học trong ngành dịch vụ; quy trình tiến hành một nghiên cứu khoa học trong ngành dịch vụ gồm tổng quan nghiên cứu, xác định mục tiêu nghiên cứu, xây dựng cơ sở lý thuyết, phương pháp thu thập và phân tích dữ liệu; phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng; cách trình bày kết quả nghiên cứu khoa học để người học có thể vận dụng trong các hoạt động nghiên cứu khoa học, viết báo cáo thực tập và khóa luận tốt nghiệp đại học. Học phần có mối quan hệ bổ trợ với các học phần như Hành vi khách du lịch, Quản trị nhân lực, Quản trị tài chính trong doanh nghiệp lữ hành và khách sạn, Quản trị kinh doanh lữ hành, Quản trị kinh doanh khách sạn – nhà hàng, Quản trị khu du lịch và các học phần chuyên ngành khác thuộc ngành Quản trị Khách sạn, Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành.

80.[1150280], [Thanh toán quốc tế trong du lịch], [2]

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản liên quan đến lĩnh vực thanh toán quốc tế trong du lịch, đặc biệt là: những vấn chung về thanh toán quốc tế; tỷ giá hối đoái và ảnh hưởng của nó đến du lịch; các điều kiện về tài chính và tiền tệ trong các hợp đồng du lịch quốc tế; các phương tiện thanh toán áp dụng trong du lịch; bản chất và quy trình kỹ thuật của các phương thức thanh toán áp dụng trong du lịch.

81.[1090209], [Tiếng Pháp], [3]

Chương trình cung cấp kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ tiếng Pháp dành cho người học có trình độ bắt đầu A0. Có thể hiểu được các câu và cấu trúc được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp cơ bản (như các thông tin về gia đình, bản thân, đi mua hàng, hỏi đường, việc làm, viết tin nhắn, email). Có thể trao đổi thông tin về những chủ đề đơn giản, quen thuộc hằng ngày. Có thể mô tả đơn giản về bản thân, môi trường xung quanh và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu.

82.[1090210], [Tiếng Trung], [3]

Học phần Tiếng Trung gồm 15 bài được giáo viên soạn riêng dành cho sinh viên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành của Khoa TCNN & QTKD. Học phần này trang bị cho sinh viên vốn kiến thức về về bình diện ngôn ngữ như ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp liên quan đến lĩnh vực du lịch, lữ hành, gồm các nội dung như tổ chức chuyến du lịch, tham quan mua sắm ở điểm du lịch, nghiệp vụ nhà hàng khách sạn, có thể sử dụng trong quá trình quản lý khách du lịch hoặc giao tiếp với đối tượng khách du lịch là người nói tiếng Trung Quốc ở mức độ đơn giản. Bên cạnh đó, sinh viên có điều kiện rèn luyện kỹ năng xây dựng bài thuyết minh bằng tiếng Trung và ứng dụng vào trong công tác hướng dẫn du lịch Từ những kiến thức đã học, người học có thể tự học và nghiên cứu để nâng cao trình độ của mình, biết cách làm việc theo nhóm, tự tìm thông tin và xử lý thông tin phục vụ cho công việc sau này.

83.[1150476], [Thực tập tổng hợp], [2]

Học phần Thực tập tổng hợp trong quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành là học phần mang tính nghiệp vụ và ứng dụng cao. Đây là học phần cần thiết để sinh viên bước đầu làm quen với thực tế và vận dụng các kiến thức lý thuyết để tìm hiểu thực tiễn hoạt động dịch vụ du lịch và lữ hành. Người học thực tập tại doanh nghiệp dịch vụ du lịch và lữ hành trong khoảng thời gian 4 tuần, tìm hiểu các hoạt động tại doanh nghiệp và viết bài thu hoạch thực tập theo những nội dung yêu cầu của bộ môn. Sinh viên làm việc dưới sự hướng dẫn của giảng viên theo phân công, thông qua một quá trình tiếp cận trực tiếp với các cơ sở thực tập nhằm tìm hiểu các thông tin về quá trình hoạt động, tình hình hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính cơ bản của đơn vị. Trong quá trình thực tập tại đơn vị, sinh viên dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giảng viên hoàn thành báo cáo thực tập theo những quy định về nội dung và hình thức của Khoa. Báo cáo thực tập trình bày những hiểu biết của sinh viên về thông tin tổng quan của cơ sở thực tập cũng như các hoạt động kinh doanh và phân tích cơ bản về hoạt động kinh doanh như marketing và tiêu thụ sản phẩm, quản trị nhân lực, và hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ du lịch và lữ hành của đơn vị thực tập do sinh viên chủ động lựa chọn. Học phần có quan hệ hỗ trợ với các học phần khác như Quản trị học, quản trị nhân sự, Marketing du lịch và

khách sạn, văn hóa du lịch và học phần đào tạo các chức năng hỗ trợ khác trong doanh nghiệp dịch vụ du lịch và lữ hành.

84.[1150332], [Thực tập tốt nghiệp], [3]

Học phần Thực tập tốt nghiệp được đào tạo chủ yếu tại cơ sở thực tế. Sinh viên làm việc dưới sự hướng dẫn của giảng viên theo phân công, thông qua một quá trình tiếp cận trực tiếp với các cơ sở thực tập nhằm tìm hiểu, nghiên cứu thực tiễn hoạt động kinh doanh trong điều kiện nền kinh tế thị trường ở các doanh nghiệp. Đây là học phần cần thiết để sinh viên làm quen với thực tế và vận dụng các kiến thức lý thuyết vào thực tiễn hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành tại các doanh nghiệp. Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên rèn luyện phương pháp nghiên cứu khoa học, khả năng khảo sát nắm bắt và phân tích, tìm biện pháp giải quyết những lĩnh vực chuyên sâu trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành.

85.[1150484], [Khóa luận tốt nghiệp], [6]

Học phần Khóa luận tốt nghiệp giúp sinh viên có thể vận dụng kiến thức của các môn học đã được trang bị để nghiên cứu hoặc ứng dụng vào tình huống cụ thể trong hoạt động kinh doanh và quản trị ở các tổ chức, doanh nghiệp. Sinh viên có thể chọn một trong nhiều vấn đề chuyên sâu thuộc lĩnh vực kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành để nghiên cứu và viết khóa luận tốt nghiệp. Khi thực hiện khóa luận tốt nghiệp, sinh viên sẽ vận dụng tổng hợp kiến thức các môn học đã được Nhà trường trang bị để nghiên cứu hoạt động kinh doanh và quản trị ở tổ chức, doanh nghiệp cụ thể; rèn luyện năng lực thực hành, vận dụng lý luận vào giải quyết các tình huống cụ thể trong thực tiễn công tác của một người cán bộ quản trị; rèn luyện phương pháp nghiên cứu khoa học, khả năng khảo sát nắm bắt và phân tích, tìm biện pháp giải quyết những vấn đề về quản trị tổ chức, doanh nghiệp; tham gia giải quyết những công việc cụ thể do đơn vị cơ sở, ngành yêu cầu và có thể đề xuất những kiến nghị nhằm giúp cơ sở thực tế hoàn thiện hơn nữa các mặt công tác.

86.[1150485], [Nghịệp vụ lữ hành], [3]

Môn học cung cấp cho sinh viên những khái niệm, cách tiếp cận về khoa học, trang bị các kiến thức về du lịch, khách du lịch, sản phẩm du lịch, các thuật ngữ chung cho ngành lữ hành và khách sạn. Học phần sẽ cung cấp các kiến thức cơ bản về nghiệp vụ thiết kế và điều hành tour, nghiệp vụ đại lý lữ hành, nghiệp vụ hướng dẫn, nghiệp vụ lễ tân doanh nghiệp lữ hành, nghiệp vụ đặt giữ chỗ. Từ đó giúp người học nắm vững lý thuyết lẫn thực hành thực tế, giúp người học tự tin khi làm việc thực tế theo đúng tiêu chuẩn của VTOS. Học phần có quan hệ hỗ trợ với các học phần khác như quản trị kinh doanh lữ hành, quản trị khách sạn, nghiệp vụ khách sạn... và học phần đào tạo các chức năng hỗ trợ khác trong doanh nghiệp lữ hành.

87.[1150335], [Quản trị điểm đến du lịch], [3]

Học phần quản trị điểm đến cung cấp các kiến thức cơ bản về quản lý điểm đến, các điểm đến mới nổi và du lịch nông thôn; hiểu được các cấu phần cơ bản của du lịch bền vững; các

chuỗi giá trị điểm đến. Cung cấp các kiến thức về những cấu phần chính của quản lý điểm đến bao gồm cơ cấu quản lý, phát triển sản phẩm, cơ sở hạ tầng, sự hài lòng của khách du lịch, tiếp thị điểm đến, an ninh và an toàn trong du lịch, quản lý khủng hoảng. Hiểu được cách thức tổ chức quản lý điểm đến, đề xuất các chiến lược phát triển và quản lý điểm đến cho các điểm đến phát triển, đang phát triển và chưa phát triển.

Bình Định, ngày 21 tháng 08 năm 2020

| | | |
|--|--|---|
| <p>KT.TRƯỞNG KHOA PHÓ TRƯỞNG KHOA</p>  <p>TS. Đặng Thị Thanh Loan</p> | <p>TP. ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC</p>  <p>TS. Lê Xuân Vinh</p> | <p>HIỆU TRƯỞNG</p>  <p>PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ</p> |
|--|--|---|